

# PHẬT TỔ THỐNG KÝ

## QUYỂN 36

### PHẦN 3

#### I. NHÀ TẤN (Đóng đô ở Lạc dương)

##### Đời Võ Đế (tên Tư Mã Viêm, được Ngụy nhường ngôi)

Năm Thái Thủy thứ hai, Quan Thị Trung Tuân Ngang ở Lạc dương đã tạo mười hai tượng Phật, Bồ-tát. Thân tượng phóng ánh sáng lớn, người ở kinh đô tranh nhau đến xem chiêm lễ.

Năm Thái Thủy thứ tư, Sa-môn Trúc Pháp Sùng đến Lộc Sơn ở Tương châu, Thần Miếu thỉnh ngài truyền Tịnh giới, bỏ miếu làm chùa.

Đô Đốc Dương Hựu ở Kinh châu, hằng ngày cung cấp cho chùa Võ dương sơn. Có người hỏi nguyên cớ, Hựu bảo: “Thân đời trước tạo nhiều tội, nhờ tạo chùa này mà được cứu thoát nửa chừng, do đó mà sự cúng dường có nghiêng nặng về chùa này”.

**Bàn rằng:** Tấn thư nói: Dương Hựu biết trước tiền thân mình là bé họ Lý thường hay chơi vòng vàng. Nay nói tiền thân tạo dựng chùa này, là bởi biết về tiền thân của tiền thân. Vì quả báo tội phước ở thế gian không hề sai chạy, đâu chẳng biết mà noi gương. Việc Hựu biết được tiền thân mình Phật giáo gọi là Túc Mạng Thông. Bởi Hựu Học Phật nên có được thân hiện tại này.

Năm Thái Khang thứ hai, Lưu Tát Ha ở Tinh Châu chuyên nghiệp săn bắn, bỗng chết bất đắc kỳ tử, thấy hai người dẫn đi về hướng Tây bắc. Khi đến địa ngục thấy có Thánh nhân mình vàng, kẻ tả hữu bảo đó là Quan Âm Bồ-tát, ngài gọi Ha bảo rằng: “Người tội đáng đọa địa ngục, người hãy mau đến Lạc Dương, Lâm Truy, Kiến Nghiệp, Mậu Âm, Thành Đô là năm chỗ có tháp vua A-dục mà đánh lễ sám hối. Lại đến hai tượng đá ở nước Ngô mà vua A-dục bảo Quỷ Thần tạo ra, thường đến đó lễ bái thì sẽ không đọa địa ngục”. Lại bảo: Phàm vì người chết thiết cúng cầu phước, thì đến Rằm tháng bảy hằng năm vào

ngày Chư Tăng giải hạ nhận lập. Lúc đó nên bày lễ trang trọng thiết cúng. Như có sấm sinh lễ vật cúng dường thì nên đề rõ vì người nào... dâng cúng Tam bảo, thì thí phước sẽ rất lớn. Còn như Sa-môn hay Cư Sĩ biết tội đời trước của mình mà tự phát lồ đầy đủ mọi sự, cần cầu chí thành sám hối, tội sẽ tiêu tan. Như mắc cỡ vì trình bày tội lỗi ở giữa chúng, thì có thể ở đối trước tượng Phật thậm kể tội lỗi mà sám hối thì tội cũng tiêu trừ. Nếu có những lỗi sót mà không cố ý che dấu thì bị báo cũng nhẹ. Nếu có người lành tụng kinh thì nơi đất ấy đều là Kim Cang, vì mất thịt nên người không thể thấy được thôi (Tăng Truyện viết rất nhiều, đây không ghi hết). Khi sống lại Lưu Tát Ha liền xuất gia tên là Tuệ Đạt, rồi đến các núi đầm ở Cối kê, tìm kiếm mọi nơi. Khi đến núi Ô Thạch ở Huyện Mậu, đêm nghe dưới đất có tiếng chuông, ba ngày sau có bảy vị Phạm Tăng hành đạo trên không trung và từ đất bay vọt lên một đàn vuông. (đàn mạn đồ la) Nhân đó đào đất tìm kiếm thì tìm được một bảo tháp xá-lợi. Sáu Vị Tăng bay lên không trung biến mất, còn một vị ở lại hóa làm Ô Thạch, nhân đó mà đặt tên cho núi. Tháp có màu đá xanh cao một thước bốn tấc, rộng bảy tấc, bốn góc bằng thẳng, năm tầng vững chắc, bên trong có treo một khánh báu có để xá-lợi Phật. Rồi tháp ấy bay đến một ngọn núi. Ở ba nơi tháp dừng thì Đạt xây tinh xá để cúng thờ tháp (nay tháp trên, tháp dưới của chùa A-dục tại Tứ Minh và điện Xá-lợi là ba chỗ ấy).

Năm Thái Khang thứ ba, Sa-môn Lôu-chí ở Tây Trúc đến Quảng châu dịch Thập Nhị Du Kinh. Năm thứ bảy, Sa-môn Trúc Pháp Hộ ở nước Nguyệt Chi đến Thanh Môn ở Trường An dịch kinh Chánh Pháp Hoa và kinh Niết-bàn Bảo Tạng... hai trăm mười bộ - Năm Thái Khang thứ chín, Lạc dương có nạn dịch bệnh lớn, Sa-môn Ha-la-kiệt người Tây Trúc, trì chú cho vào nước uống để trị bệnh, nạn ấy liền dứt.

#### **Đời Tuệ Đế (tên Lý, con kế của Võ Đế)**

Năm Nguyên Khang thứ nhất, ở chùa Hiển An tại Ba Lăng mọc lên một cây lạ. Vị Tăng người Thiên Trúc thấy bảo đấy là cây Phật Ta-la. Sa-môn Vô-la-xoa người nước Vu-điền dịch kinh Phóng Quang Bát-nhã, tức bản kinh do Chu Sĩ Hành gửi về.

Năm Vĩnh Khang thứ nhất, nhà họ Gia Cát ở Cối kê có giếng hiện ra nhiều tiền, bèn sửa nhà làm chùa Linh bảo (nay là chùa Đại độ).

Trong năm Vĩnh Khang, Sa-môn Nghĩa Hưng ở trên núi Lô vu, có một đồng tử đến hầu hạ cung cấp củi nước, rất lâu mới đến từ giã ra đi bảo rằng: “Tôi là Sao Thái Bạch, Thượng đế bảo đến hầu hạ”, nói xong

rồi biến mất (nay là núi Thiên Đồng ở Tứ minh).

Năm Vĩnh Ninh thứ nhất, vua nước Phù Nam sai sứ, cùng lúc Sa-môn Tây Trúc là Na-già-tiên tiến cống lụa, tòa Rồng vàng, tượng Phật, Tháp ngà.

Các Sa-môn ở Tây Thiên là Trúc Thục Lan, Bạch Pháp Tổ, Chi Pháp Độ, Pháp Lập, Pháp Cự... cùng dịch kinh một trăm sáu mươi lăm bộ - Pháp Cự dịch kinh tên Kim Cống Thái Sơn Thục Tội.

Năm Vĩnh Hưng thứ nhất, Sa-môn Kỳ Vực ở Tây Trúc đến Lạc dương, chỉ Sa-môn Trúc Pháp Uyên nói rằng: “Bồ-tát này ở Loài dê đến đây, thấy Trúc Pháp Hưng thì bảo: “Bồ-tát này từ trời xuống đây.” Ngài lại nói: Tỳ-kheo mà y phục se sua đẹp đẽ là trái giới luật. Rồi nhìn cung khuyết của nhà vua bảo rằng: “Đại khái giống cung trời Đao-lợi, nhưng sức dân lười biếng cũng không dời đổi được.” Chưa bao lâu thì Lạc dương có loạn.

### **Đời Hoài Đế** (tên Xí, con thứ hai mươi lăm của Võ Đế)

Năm Vĩnh gia thứ tư, Sa-môn Phật Đồ Trừng ở Tây Trúc đến Lạc dương. Bấy giờ Thạch Lạc đồn binh ở Cát Pha. Nhiều Sa-môn bị giết lầm. Lạc mời Trừng thi thố chú thuật. Đồ Trừng đọc chú vào bát nước thì mọc lên hoa sen xanh, do đó Lạc kính trọng ngài như Thần. Lại đem việc đánh nhau với Diêu ra hỏi Trừng. Trừng nói: Chuông trong tháp lên tiếng rằng: Tú Chi Thế Lệ Cang Bộc Cốc Ngốc Cù Đương. Tú Chi là Quân. Thế Lệ Cang là ra, Bộc Cốc là Lưu Diêu ở ngôi Hồ, Ngốc Cù Đương là bắt. Đây đều là tiếng của Rợ Yết nói là: “Ra quân thì bắt được Lưu Diêu” (Lưu Diêu tên Tiên Triệu, tiến ngôi xưng Đế ở Trường An - Rợ Bắc Địch đều là giống chó dê nên gọi là Yết, vì Yết là dê - Phật Đồ Trừng là tiếng Phạm chỉ người chứng quả bốn Thánh). Trừng lại lấy dầu mè mở yến thoa vào bàn tay rồi đưa cho đứa bé nhìn vào đó, thì thấy một người cỡi ngựa, tơ đở cột ngang sườn. Trừng bảo đó là Lưu Diêu. Bèn ra đánh, quả nhiên bắt sống được Diêu. Lạc liền lên ngôi đặt Quốc hiệu là Triệu. Con yêu quý của Lạc là Bân bỗng chết đột ngột. Lạc than: Ta nghe Biển Thước làm Thái tử sống lại, bèn bảo người cáo lệnh. Trừng lấy cành dương đọc chú rải nước thì Thái tử liền sống lại. Khi Lạc chết, em là Lý Long lên thay, hết lòng kính thờ Trừng. Mỗi lần ngồi xe lên điện đều hô lớn “Đại Hòa thượng.” Đến khi binh Tấn vào sông Hoài, Lý Long nổi giận bảo: “Ta thờ Phật, sao có giặc phản ta, Phật không sáng suốt!” Trừng tâu: Tiền thân của Bệ hạ trước là lái buôn, khi đi ngang qua nước Kế Tân gặp chùa Tăng thiết hội, có sáu

vị ứng chân, bản đạo là một trong số đó. Lúc đó Thánh có thọ ký rằng: “Đàn-việt này chết rồi sẽ làm vua đất Tấn.” Nay hiện ngài là Thiên tử, vậy đâu phải kính thờ Phật mà đến nông nổi này. Việc một nước có xâm lấn quấy nhiễu ở biên cương là chuyện thường, sao lại nổi oán hận chê bai Phật?” Lý Long bèn tạ lỗi sám hối. Khi sắp ra đi Trưng vào từ tạ vua rằng: “Nước non còn để tâm đến Phật lý mà cai trị hà khắc đến nỗi làm cho vận nước không lâu dài.” Rồi ngồi yên mà tịch. Sau có Sa-môn từ Ung Châu trở về nói: Thấy Đồ Trưng vào quan ải. Lý Long bèn đào mộ ngài lên thì chỉ thấy có một khối đá. Lý Long nổi giận quát: Thạch là họ ta, nay chôn ta rồi chết vậy ta còn lâu chăng? Quả nhiên không bao lâu thì Long chết (Biển Thước là một danh y - Ứng Chân là A-la-hán).

Năm Vĩnh gia thứ sáu, Thái Thú Võ Ấp là Lư Hâm, thỉnh Pháp sư Đạo An ở Quận đến giảng kinh, nhân sĩ cả thành cùng đến nghe pháp trầm trồ khen ngợi - Có Ưu-bà-tắc ở Tây Trúc là Nhiếp Đạo Chân dịch Thập Trụ Kinh... năm mươi bốn bộ.

#### **Đời Mẫn Đế** (tên Nghiệp, cháu của Võ Đế)

Năm Kiến Hưng thứ nhất, Cư Sĩ Chu Ứng ở Ngô huyện, tại cửa khẩu Tòng Giang thấy hai tượng đá nổi trên sông trôi đến, ở lưng tượng có đề Duy-vệ Phật, Ca-diếp Phật, bèn rước về chùa Thông Huyền. Tám năm sau, ngư dân nhặt được hai bát bằng đá xanh ở trên sông, đem về đựng đồ mặn, bỗng thấy hình Phật hiện trong bát. Người biết việc bảo đó là hai bát của hai tượng Phật trước, bèn đem đến để cùng chùa với hai tượng trên.

**Đời Nguyên Đế** (tên Duệ, cháu cố của Tuyên Đế, dời đô về Kiến Khang).

Năm Thái Hưng thứ nhất, vua chiếu mời Sa-môn Trúc Tiềm vào nội điện giảng kinh vì trọng đức người nước ngoài nên cho ngài mang giày cỏ lên điện.

Năm Vĩnh Xương thứ nhất, Sa-môn Tây Trúc là Cát Hữu đến Kiến Khang, Thừa Tướng Vương Đạo thấy ngài bảo rằng: “Chúng ta cùng chí hướng vậy” rồi ngài cùng các quan danh tiếng đến cửa kết bạn. Mỗi khi gặp thì Vương Đạo mở dải mũ cho giống nhau. Quan Thượng Thư Biện Khổn đến thì ngài sửa mình nghiêm túc. Hỏi duyên cớ thì đáp: “Đạo phong của Vương Công thì mọi người đều kỳ vọng, Biện lệnh thì là khuôn phép cho mọi người. Tôi làm việc ấy là vì thế.” Đình Ủy Hoàn

Di muốn làm bạn tốt với ngài. Hữu nói: Cát Hữu có thể cho là sáng nhất còn Di thì hết chỗ khen, đó là lấy chỗ hết mức để khen cái tốt cùng. Cát Hữu giỏi trì chú, có rất nhiều linh nghiệm. Người thời đó gọi là Cao tòa Pháp sư, ngài dịch Quán Đảnh Kinh... ba bộ.

#### **Đời Minh Đế** (tên Thiệu, con Nguyên Đế)

Năm Thái Ninh thứ nhất, vua chính tay đến điện vẽ tượng Phật Thích-ca ở tại Lạc Hiền đường trong Đại nội. Vua lại đến chùa Hưng hoàng tập họp cả trăm Sa-môn đang học đạo để giảng luận đạo Phật. Năm Thái Ninh thứ ba, ngư dân thấy trên biển có ánh sáng, liền đến lưới lên thì được Tượng Văn-thù bằng vàng có ghi “Vua A-dục tạo.” Về sau thương buôn trên biển Đông nhặt được một viên quang, đem đặt vào tượng trên thì vừa khít. Đào Khảng Thứ Sử Quảng châu lấy tượng ấy đem về vào chùa Hàn Khê. Chủ chùa là Tăng Trân có lần đến Hạ Khẩu mộng thấy chùa cháy, mà nhà thờ tượng này được thần phù hộ. Trân bèn chạy về, quả nhiên chùa cháy mà nhà thờ tượng thì còn nguyên. Đào Khảng dời về làm Đô Đốc ở Giang châu đưa thuyền đến rước tượng đem về, nhưng vừa đến Giang Thượng thì thuyền chìm, nên không lấy được.

#### **Đời Thành Đế** (tên Diễn, con Minh Đế).

Năm Hàm Hòa thứ nhất, Sa-môn Tây Thiên là Trúc Tuệ Lý đến núi Võ Lâm ở Tiên Đường, kinh hãi bảo rằng: “Đây quả là núi Tiểu Linh Thứu ở Trung Thiên Trúc, bay đến đất này năm nào vậy?” Nhận đó đặt tên là ngọn Phi Lai núi Thiên Trúc, lập chùa đặt tên là Linh Ẩn Tự. Tiên ông Cát Hồng viết chữ đề ở Ngạch (Hoàng Vũ Ký - Núi này tên là Kê Túc, vì Hứa Do ở ẩn tại đây nên đổi là Linh Ẩn).

Năm Hàm Hòa thứ ba, Tô Tuấn làm loạn đốt cháy cung thất, riêng Lạc Hiền đường nơi Minh Đế vẽ tượng Phật Thích-ca thì không sao. Vua ra sắc viết bài Tụng để phô bày Thánh đức.

Năm Hàm Hòa thứ tư, Duẩn Cao Khôi ở Đôn Dương, một sáng đi qua cầu Trương Hầu nhìn thấy trong bến có ánh sáng ngũ sắc, liền sai người mò lên thì được tượng vàng nhưng không có vành sáng, bèn rước tượng đem về ở chùa Trường can (ở ngoài thành Kiến Khang, Trường Can tức Trường Lũng. Một năm sau có người ở Quận Lâm Hải lưới lên được cái bệ hoa bằng đồng, trên có chữ Phạn đề: “Con gái thứ tư của vua A-dục tạo.” Vua ra lệnh đặt vào tượng ở Trường Can. Lại bốn mươi năm sau, người ở Hiệp Phố mò châu trong biển thì được Kim Quang,

vua ra sắc đem đặt vào tượng trên thì rõ ràng cùng một bộ.

Năm Hàm Hòa thứ năm, Hứa Tuân đem chỗ ở mới tại Vĩnh Hưng ở Cối kê làm chùa Sùng Hóa, xây tháp bốn tầng, mọi vật đã có đủ trong khánh, chỉ còn thiếu tượng luân (vành tròn). Một sáng mưa gió bỗng có Luân bàn đầy đủ. Hởi ra mới biết từ huyện Diêm bay đến.

Vua ra chiếu mời Pháp sư Pháp Nghĩa ở Bảo Sơn Cối kê vào cung cấm để truyền trao năm giới.

Năm Hàm Khang thứ nhất, Sa-môn Chi Đạo Lâm dịch kinh Phương Đăng Pháp Hoa.

Năm Hàm Khang thứ hai, Thượng Thư Lệnh là Lý Mạc sửa nhà Cú Dung làm chùa Linh Diệu.

Năm Hàm Khang thứ sáu, Hữu Tướng Quân Vương Hy Chi vì ngài Đạt-ma Đa-la người Tây Thiên xây chùa Quy Tông tại Tra Sơn. Quan Dữu Bạng Phụ Chánh luận việc Sa-môn phải kính lạy vua. Thượng Thư Lệnh Hà Sung... luận rằng: “Vua Võ đã đem thịnh vượng sửa đổi, Minh Đế thì dùng thông thánh để trị vì, há Sa-môn thời này không dễ dàng quỳ gối, miễn là không thay đổi Pháp tu thiện. Do đó nên chung ý muốn của thiên hạ mà thôi.” Dâng Sớ ba phen lời bàn của Dữu Bạng đành dẹp. Sa-môn Bạch Pháp Tổ cùng Đạo sĩ Vương Phù tranh luận, Phù nhiều lần bị thua bèn ngụy tạo “Kinh Lão Tử Hóa Hồ.” Sau khi Pháp Tổ viên tịch rồi, có Lý Thông chết đột ngột, thấy Tổ Pháp sư ở Âm Phủ giảng kinh Lăng-nghiêm Tam-muội cho vua Diêm La. Giảng xong liền lên trời Đạo-lợi giảng kinh. Lại thấy Đạo sĩ Vương Phù thân bị gông cùm xin sám hối với Tổ Pháp sư. Diêm Vương quả rằng: Người đặt lời chê bai Phật, đờn trên thế gian các kinh ngụy tạo của người tiêu hết thì tội người mới thoát” (Phụ chú rằng: Bản văn này một quyển. Sau đổi thêm mười một quyển. Quyển một nói độ vua Hồ ở Kế Tân, quyển hai nói hàng phục ngoại đạo ở nước Câu-tát-la, quyển ba nói độ vua Hồ Duy-vệ, quyển bốn nói độ bảy anh em vua Kế Tân, quyển năm nói độ vua Hồ trái mười hai năm đều trộm lời Phật nói hoặc tự đặt điều).

#### **Đời Khang Đế** (tên Nhạc, con Thành Đế)

Năm Kiến Nguyên thứ nhất, Trung Thư Lệnh Hà Sung, bỏ nhà làm chùa Kiến phước, để Tỳ-kheo Ni ở. Có Ni Sư Tịnh Kiểm ở Bản Pháp được giới. Một sáng có Thiên nữ theo ánh sáng xuống sân chùa, vui vẻ chấp tay chào hỏi từ biệt. Đệ tử là Niếp Quang bay lên trời. Hà Sung tánh ham thích sách Phật, kính sửa chùa Phật, cung cấp cúng dường Sa-môn đến mấy trăm vị, tốn phí cháo sữa cả ức mà không tiếc.

Khanh Dụ nói đùa rằng: “Chí ông lớn bao la vũ trụ, mạnh hơn xưa sau.” Sung hỏi duyên cớ. Dụ nói: Ta mong cầu mấy ngàn nhà trong quận, còn chưa được ông mong cầu làm Phật, không to lớn lắm sao?. Lúc đó Khích Âm và em là Đàm thờ Đạo Thiên Sư, còn Sung và em là Chuẩn thì kính tín đạo Phật. Tạ Vạn chê rằng: Hai anh họ Khích thì nịnh Đạo Lão, hai chú Hà lại bợ ông Phật!

#### **Đời Mục Đế** (tên Nhiễm, con Khang Đế)

Năm Thăng Bình thứ nhất, Sa-môn ở Đôn Hoàng là Đơn Đạo Khai đến Kiến Khang không sợ lạnh nóng, ngày đêm chẳng nằm, một ngày đi bảy trăm dặm. Về sau ngài vào ở trong thạch thất tại núi La Phù ngồi mà tịch.

Năm Thăng Bình thứ năm, vua có bệnh mời Cao Tăng Pháp Khai đến xem mạch, biết vua không khỏi bệnh nên không chịu hết thuốc. Hoàng hậu nổi giận bắt ngài cầm tù. Bỗng vua băng hà, Ngài được tha. Có người hỏi rằng: Bạc Cao minh cứng rắn giản dị vì sao phải dùng đến y thuật làm chi? Sư đáp: Nói Lục độ để trừ bệnh bốn ma, điều chính khí để trị bệnh phong hàn, lợi mình lợi người cũng không tốt sao? Tôn Xước nói: “Biện tài ngang dọc dùng số thuật mà truyền thông Phật pháp, chính là bắt đầu từ ngài vậy”.

#### **Đời Ai Đế** (tên Phi, con của Thành Đế)

Năm Hưng Ninh thứ nhất, vua ra chiếu đem đất Diêu ở Ngõa quan ban cho Sa-môn Tuệ Lục để xây chùa Ngõa quan. Lúc đó kẻ Hiền trong triều chú tâm giúp đỡ không quá mười vạn tiền. Cố Trường Khang là kẻ nghèo nhất xin giúp một trăm vạn tiền. Mọi người đều cười. Một hôm vẽ tượng Duy-ma trên vách điện, khi sắp điểm con người liền bảo: “Ngày thứ nhất mở mắt nhìn thấy thì xin thí cho mười vạn, ngày thứ hai mở mắt nhìn thấy thì cho năm vạn, ngày thứ ba nhìn thấy thì theo lệ cúng thí.” Đến khi mở cửa, ánh sáng chiếu vào chùa, thì người thí đến đông ngịt, quả nhiên được một trăm vạn tiền.

Năm Ai Đế thứ hai, vua ra chiếu mời Pháp sư Trúc Tiềm vào Cung cấm giảng kinh Bát-nhã. Sau Pháp sư từ biệt trở về Diệm Sơn. Vua lại mời Chi Độn nối nhau giảng Pháp. Có một lúc các danh sĩ cùng kết bạn với người nước ngoài. Lưu Hệ nói về Trang Tử là hễ thích ý thì tiêu dao. Độn nói: Vua Kiệt và đạo chích thích tàn ác bạo ngược, há lại tiêu dao sao? Vương Mông suy nghĩ nhiều viết được mấy trăm lời. Độn bảo: “Xa anh đã lâu nhưng sở kiến của anh không cao xa lắm là sao?”



Khích Siêu hỏi tạ An rằng: “Độn nói thế nào về Khê Trung Tán?” An đáp: “Khê cố hết sức thì Đạo mới được phân nửa mà thôi”. Độn có lần viết thư cho Tiềm xin mua ngọn núi nhỏ ở Ốc Châu. Tiềm đáp: “Muốn đến thì liền cấp cho, chưa từng nghe Sào Phủ Hứa Do mua núi để ở ẩn bao giờ!”.

#### **Đời Phế Đế** (tên Dịch, em của vua Ai Đế)

Năm Thái Hòa thứ hai, Chi Độn dâng biểu xin trở về núi. Vua ra lệnh lập chùa Ốc châu mời về ở. Mỗi khi giảng Pháp, Độn phần nhiều dùng di văn của Hội Tông, vì người giữ văn hẹp hòi. Tạ An nghe than rằng: Cửu Phương Chân xem tướng ngựa bỏ sắc huyền hoàng mà lấy vẽ thân Tuấn. Có lần giảng Duy-ma ở Sơn Âm, Xử Sĩ Hứa Tuân làm Đô Giảng. Tuân ra một câu hỏi, chúng bảo Độn không thông. Độn luận một mạch thông suốt, chúng bảo Tuân không lấy gì để vấn nạn được.

Năm Thái Hòa thứ ba, Ni Sư Đạo Khánh ở chùa Đông tại Lạc dương, nói cho chúng về Pháp Hoa, Duy-ma. Người nghe đông như chợ.

#### **Đời Giản Văn Đế** (tên Dục, con nhỏ của Thành Đế).

Năm Hàm An thứ nhất, có quạ đến làm ổ ở điện Thái cực, vua mời Khúc An Viễn bói, ông bảo: Ở Tây nam có một Ni Sư có thể trừ được điềm quái này. Lúc đó Ni Sư Đạo Dung đang ở chùa Ô Giang tại Lịch Dương. Vua mời về Kinh đô. Cô cho đặt hoa dưới giường nằm để xin Thánh Phạm ứng nghiệm. Quanh chỗ cô ngồi hoa đều không héo. Cô tâu vua rằng: Bệ hạ nên hành trì Bát quan trai giới thì các tai quái sẽ tự nhiên tiêu tan. Vua nghe lời làm theo. Bầy quạ liền dời ổ đi mất. Vua ra lệnh cất chùa Tân lâm mời Ni Sư đến ở. Có Sa-môn Trúc Pháp Khoáng vào kinh Sư tu trai sám để trừ các sao dữ, sau đó các sao này lặn mất.

Năm Hàm An thứ hai, vua ra lệnh ở chùa Trường can xây tháp ba tầng, ngày hoàn công có ánh sáng chiếu khắp nhà cửa. Vua có lần đến chùa Ngõa quan nghe ngài Trúc Pháp Thái giảng Phóng Quang Bát-nhã. Mỗi khi đọc kinh, vua cho rằng khi nung đúc tinh thần sáng suốt thì Thánh nhân sẽ đến.

#### **Đời Hiếu Võ Đế** (tên Diệu, con thứ ba của Giản Văn Đế)

Năm Ninh Khương thứ nhất, Đại Tư Mã Hoàn Ôn chết. Lúc xưa Ôn ở tại Cô thực có một vị Ni lạp đến gặp rồi xin chỗ tắm rửa. Ôn lên



nhìn thì thấy Ni Cô khóa thân lấy dao mổ bụng và chặt đôi chân. Sau ra gọi Ôn bảo rằng: Nếu ông làm vua cũng bị như thế. Ôn mỗi khi có ý phản loạn thì Ni cô răn cấm. Đến khi Giản Văn Đế băng hà thì có lời phao rằng triều đình phong cho Cửu Tích. Tạ An Vương Thản Chinghe Ôn bệnh nặng lên hoãn lại việc này. Khi vẫn chưa soạn xong thì ông chết. Con của Ôn là Huyền đẹp An Đế rồi lên làm vua, bị nghĩa quân giết chết.

**Bàn rằng:** Hoàn Di giữ Tuyên Thành bị chết bởi nạn Tô Tuấn là người trung. Con là Ôn cầm quân dòm ngó triều đình là kẻ loạn. Con của Ôn là Huyền cậy thế cha cuối cùng đoạt ngôi, thân chết nhà tan đó là giặc. Đời sau sửa Sử đặt ra Di Liệt Truyện, Ôn Huyền Tứ Di Truyện, làm nhục người đời trước lắm thay! Huyền làm vua được tám mươi ngày, hành tích giống Vương Mãng mà không được coi là hàng quyền thần lâu đời. Chết rồi bị tiếng là loạn tặc, thật đáng răn cho hậu thế!

Vương Thản Chi làm Trung Thư Lệnh, chơi thân với Sa-môn Trúc Pháp Thái. Mỗi khi cùng luận việc u minh báo ứng thì yêu cầu người chết trước phải đến báo. Sau Sư Thái đến Báo rằng: “Bần đạo đã chết rồi tội phước không sai. Chỉ mong ngài nên siêng tu Đạo đức để sinh lên cõi trên mà cứu thân mình (linh hồn). Nói xong biến mất.

Đạo An Pháp sư ở Chùa Đàn Khê tại Tương dương tạo tượng Phù đồ bằng đồng (Phù đồ là tiếng Phạm, cũng gọi là Tốt-đổ-ba; Tháp bà, Hán gọi là Cao hiển xứ). Ông tự mang tượng đến Phương Sơn, đuốc trời sáng rực, cả thành đô đều đến chiêm bái. Có Cao Sĩ tên Tập Tạc Xĩ đến gặp Đạo An tự xưng là “Tứ Hải Tập Tạc Xĩ”. Đạo An đáp: “Di Thiên Thích Đạo An”. Người thời đó cho là câu đối hay. Vua nghe tiếng Đạo An bèn nói: “Pháp sư lấy Đạo đức soi sáng nhân thiên, cần được hưởng lộc hàng Vương Công.” Quan Sở Ty bèn kịp thời cung cấp.

Năm Ninh Khương thứ hai, Pháp sư Trúc Tiềm tịch. Vua ra chiếu rằng: Tiềm Pháp sư quên sự vinh hiển của chức Tể Tướng, tu hạnh xuất gia, bèn nhờ dạy Đạo cứu giúp quần sinh. Nay ngài đã viên tịch thật đau đớn lòng. Vậy đáng ban cho năm vạn tiền để giúp xây tháp ngọc.

Năm Thái Nguyên thứ nhất, Sa-môn Tây Thiên là Thiệp Công đến Trường An. Tần chúa Phù Kiên rất tôn kính. Ngài thường đọc chú để rồng làm mưa cứu hạn, người trong nước được nhờ. Pháp sư Tuệ Vĩnh đến Lư Sơn, ra ở Hương Cốc tại phía Tây rừng. Thứ Sử Tâm Dương là Đào Phạm sửa nhà làm chùa.

Năm Thái Nguyên thứ tư, nước Tần đánh Tương dương bắt Đạo An và Tập Tạc Xĩ đem về Trường An. Tần chúa Phù Kiên rất mừng bảo

rằng: “Nhà Tấn hội với Ngô mà hai nước đều lợi. Nay phá được Tương dương bắt được Sĩ Tải một người rưỡi.” Phù Kiên ra Đông Uyển bảo Đạo An cùng ở. Quan Bộc Xạ Quyền Dực can rằng: Đạo An là người tu không được cùng ngồi xe. Phù Kiên giận bảo: “An Công đạo đức đáng kính.” Bèn bảo Dực dìu An lên xe. An vào quan ải, các Sa-môn đều lấy theo họ ngài. An bảo: “Sư không bằng Phật, làm Sa-môn nên lấy họ Thích.” Đến khi kinh Tăng Nhất A-hàm truyền tới có câu rằng: “Bốn sông chảy vào biển không còn tên riêng, bốn họ xuất gia đồng lấy họ Thích.” Xứ Lam Điền tìm được cái đánh xửa, bụng đánh có ghi chữ Triệu, cả triều đình đều không hiểu, bèn hỏi Đạo An. An nói: “Do Lỗ Tương Công đúc.” Tần Chúa bèn ra lệnh người học ở hai Quán có điều gì nghi đều đem hỏi Đạo An. Bấy giờ người trong nước có câu rằng: “Học không có Sư An dạy thì nghĩa sẽ khó.” Đạo An đen đúa nhưng nhanh nhẹn, thích bàn luận, nên có lời rao rằng “Tất Đạo Nhân kinh động bốn bể.” Cánh tay trái của ngài có khối thịt một tác vuông như cái ấn, đời gọi là Ấn Thủ Bồ-tát.

Năm Thái Nguyên thứ sáu, vua lập tinh xá trong nội điện, thờ Phật mời các Sa-môn danh đức đến ở hành đạo. Ngài Tuệ Viễn Pháp sư (học trò của Đạo An) từ Tương dương đến Lô sơn lập tinh xá Long Tuyền. Lúc Sư mới đến núi, Thần báo mộng bảo rằng: “Núi này đủ để ngài dừng chân, xin đừng đi nơi khác.” Chiều đó mưa to sấm sét, thì thấy rừng rậm đã được phá rộng, cát trắng đầy đất, cây gỗ quý ngổn ngang. Thứ Sử Cửu Giang là Hoàn Y bèn lập chùa tên là Đông lâm, điện thờ gọi là Thần Vận (Thần giúp). Sư Tuệ Viễn ở trên sông cầu nguyện. Bồng tượng Văn-thù của Đào Khản nổi lên mặt nước. Bèn rước tượng về điện và tạo gác lớn để thờ. Sa-môn Pháp Chánh dịch Thiên Phật Danh Kinh... (kinh Ngàn Đức Phật) được một trăm mười một bộ.

Năm Thái Nguyên mười sáu, Sa-môn nước Kế Tân là Chúng Thiên đến Giang Tả (Phàm nước chảy từ Tây sang Đông thì Đông là mặt, Tây là lưng, Bắc là tả, Nam là hữu. Vậy Giang nam phải gọi là Giang Hữu. Từ xưa đã gọi nhầm là Giang Tả, không biết rõ về mặt lưng tả hữu. Nay gọi Triết Tây là Triết Hữu cùng rơi vào lỗi này. Lời nói này đã được các Tiên Nho nghe biết). Dịch Kinh Tam Pháp Độ... ba bộ.

Năm Thái Nguyên thứ mười chín, ở phía Bắc thành Giang lăng có ánh sáng năm sắc, Sa-môn Đàm Dực được tượng vàng trong đất, ở Quang tướng (vành sáng) có đề chữ Phạm: “Vua A-dục tạo”, bèn rước về thờ ở chùa Trường sa (Ngài Trí Giả phát nguyện trước tượng Phật ở Trường sa, chính là tượng này. Chùa này xét theo Thiên Nhân Cầm

Thông Truyện thì chùa Trường sa ở bờ Bắc Kinh châu. Biệt Truyện Chú nói ở Đàm Châu là sai).

Năm Thái Nguyên thứ hai mươi, Kinh châu Mục là Hoàn Xung bảo Sa-môn Đàm Dực sang sông tạo hai chùa Đông và Tây. Từ các thời Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần... có đến cả vạn Tăng. Đầu đời Tùy số danh Tăng có đến ba ngàn năm trăm vị. Ra giảng kinh có năm mươi ba vị. Biệt Viện lớn nhỏ có mười ngôi. Hai Viện Ban-chu, Phương Đăng, riêng mùa Hạ có cả ngàn người, chùa nhà có đến cả vạn gian.

Xử sĩ Đái Quỳnh muốn tạo tượng Phật Vô Lượng Thọ một trượng sáu, vì tượng cũ quá vụng về. Bèn kín đáo lượm lật các thuyết, suy nghĩ ba năm khắc tượng mới xong, liền rước về ở chùa Linh Bảo tại Sơn Âm. Khách Siêu vừa thấy liền lạ, tay vừa nhóm hương thì bỗng trên làn khói có đám mây thật cao hiện ra, mọi người đều khen là thần cảm. Có Sa-môn nước Kế Tân là Tăng-già-bạt-trưng đến Trường An dịch Tạng Tỳ-dàm Bà-sa Luận. Có Sa-môn nước Quy Tư (đọc là Khâu Từ) là Cưu-ma-la-thập đến Trường An. Tần chúa Diêu Hưng tiếp đãi ở vườn Tiêu dao, ngài dịch kinh Đại Phẩm Bát-nhã.

**Đời An Đế** (tên Đức Tông, con của Võ Đế).

Năm Long An thứ hai, Sa-môn ở Trường An là Pháp Hiển sang Thiên Trúc cầu kinh. Quan Phụ Chánh Hoàn Huyền khuyên vua nên sa thải Tăng Ni. Chiếu viết rằng: Những ai soạn thuật kinh điển, diễn nói nghĩa lý, giữ giới chánh tu... đều được cho tu như cũ, ngoài ra đều không được tu. Chỉ có Lô Sơn là những bậc đạo đức ở thì ngoài quy định này. Ngài Viễn Pháp sư viết thư cố gắng biện bạch, việc bèn bỏ qua.

Năm Long An thứ năm, nhà Tần, ngài Pháp sư La-thập ở tại vườn Tiêu dao dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tần chúa Diêu Hưng ở chùa Thảo đường cùng ba ngàn Tăng tay bưng kinh cũ cùng nghiêm túc nhập định. Vua ra chiếu Tăng Lược... nên học hỏi ý chỉ ngài La-thập, vì số Tăng Ni quá nhiều, nên mời ngài Tăng Lược làm Tăng Chánh, cấp bậc ngang hàng Thị Trung, cấp cho xe và phu kéo. Mời ngài Pháp Khâm làm Tăng Lục, Tăng Thiên làm Duyệt chúng, ban cấp bậc có sai khác. Mỗi vị đều cấp cho ba mươi người thân tín hầu hạ.

Đái Ngung con của Quỳnh, tài khéo như cha. Giang Di có lần nhờ Ngung tạo tượng Quan Âm đã nhiều năm. Đêm nằm mộng thấy có người bảo: Giang Di không có duyên với Đức Quan Âm, sao không chịu đổi làm tượng Đức Di-lặc? Ngung liền chạy đi báo, cùng lúc có thư của Di gửi đến bảo cùng nằm mộng vào đêm ấy. Đến khi đổi làm tượng Di-

lặc thì bắt tay liền thành (tượng này ở tại chùa Long Hoa ở Cối kê).

Năm Nguyên Hưng thứ nhất, Đời Tần, ngài Pháp sư La-thập từ năm Hoàng Thủy thứ tư đến nay đã dịch kinh Di Giáo, Kinh Duy-ma-cật, Luận Đại Trí Độ, Luận Thành Thật... chín mươi tám bộ. Các Sa-môn dịch kinh nhà Tần là Phật-đà Da-xá, Công Đức Hoa, Vô Cấu Nhân, Pháp Xứng, Pháp Hải, Đồng Giác, Trúc Phật Niệm, Chúng Hiện, Pháp Hỷ, Chúng Thiên là mười Sư, dịch kinh được hai mươi ba bộ.

Năm Nguyên Hưng thứ hai, Hoàn Huyền muốn nhắc lại lập luận của Dữu Bạng là khiến Sa-môn phải lạy vua. Viễn Pháp sư dâng thư thưa rằng: Ca-sa không phải y phục của Triều Tông, bình bát không phải là vật đựng ở Lang miếu, hình dung thoát trần không nên lạy vua. Huyền được thư bèn hạ lệnh không thi hành. Sư lại viết bài Sa-môn không kính lạy vua, để cảnh cáo đương đời (Bài Luận này thấy trong Lô Sơn Tập).

Ngài Đàm-ma-lưu-chi ở Tây Trúc đến Tần, cùng ngài Thập Pháp sư (La-thập) đồng dịch Thập Tụng Luật. Từ xưa Đông độ chưa nghe nói Niết-bàn thường trú, chỉ nói thọ mạng dài lâu. Ngài Viễn Pháp sư nói: Phật là tốt cùng, tốt cùng thì không biến đổi. Lý của không biến đổi đâu thể có ngàn mé. Bèn viết ra Pháp Tánh Luận. Chỗ cốt yếu nói rằng: “Tốt cùng lấy bất biến làm tánh, được tánh rồi thì lấy thể cực làm Tông.” Sau ngài La-thập đọc Luận đó khen rằng: Người Tần chưa thấy Kinh mà đã thâm hợp với Lý rồi. Viễn Sư nghe ngài La-thập đã vào Quan Trung liền gửi thư thông hiếu. Ngài La-thập trả lời thư và có kệ. Đời Tần, An Thành Hầu là Điều Trung đã gửi ngài La-thập bản dịch mới Trí Luận xin ngài viết tựa. Ngài cho là văn quá rộng, chép lại làm hai mươi quyển và có lời tựa riêng.

Đệ tử ngài La-thập có Sinh, Triệt, Dung, Duệ. Người thời đó gọi là bốn Thánh ở Quan Trung. Ngài Đạo Sinh, lúc đầu vào Lô Sơn Liên Xã. Sau ngài đến Trường An theo ngài La-thập. Thấy ngài Pháp Hiển dịch kinh Nê Hoàn (sáu quyển) có nói: “Trừ một loại Xiển-đề ra, tất cả đều có Phật tánh.” Ngài nói: “Người A Xiển-đề (Hán gọi là người không đủ tin) cùng loại với loài hàm sinh, sao chỉ riêng loại người này là không có Phật tánh? Chỉ vì Kinh này đến chưa trọn bộ mà thôi”. Ngài bèn xướng thuyết “Người Xiển-đề đều sẽ thành Phật.” Chúng cho đó là tà thuyết trái Kinh. Đối với Luật phải tội Tẩn. Đạo Sinh ở trước chúng thề rằng: Nếu điều tôi nói khế hợp với tâm Phật thì nguyện ngày bỏ báo thân này tôi sẽ ngồi ở tòa Sư tử. Do đó ngài Đạo Sinh liền nhanh chóng ẩn thân ở núi Hổ Khâu. Ngài sắp đá giả làm học trò rồi ngồi

giảng kinh Niết-bàn. Đến chỗ Xiển-đề thì nói là có Phật tánh, rồi hỏi: “Điều ta nói có khế hợp với tâm Phật chăng?”. Thì các hòn đá đều gập đầu. Sau ngài trở về Lô Sơn nghe ngài Đàm-vô-sấm dịch lại kinh Niết-bàn đến phẩm Thánh Hạnh quả nhiên có nói: Người Nhất-xiển-đề tuy đã dứt căn lành cũng có Phật tánh, thì vui mừng khôn xiết. Đã từng bảo Thánh giáo truyền đến Đông Độ người Dịch lăm trở ngại, nhiều người bị vướng ở quyền văn nên ít thông suốt nghĩa đầy đủ. Do đó mà kiểm duyệt chân tục, tinh luyện Không và Hữu. Bèn viết Thiện Bất Thọ Báo Luận, Thành Phật Đốn Ngộ Luận, Phật Tánh Thường Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận... đều là củng cố thuyết cũ, ý sâu Diệu Hữu. Bọn chấp chặt văn tự ganh ghét tranh nhau. Một hôm Đạo Sinh lên tòa thuyết pháp bỗng thấy đuôi cây phất trần chúi xuống đất, thì ngài đã ngồi yên trên ghế mà hóa.

Tăng Triệu lúc mới gặp ngài La-thập, ngài bảo: “Đây là bậc Long tượng trong Phật pháp vậy.” Ngài Tăng Triệu có soạn Bát-nhã Vô Trí Luận, Vật Bất Thiên Luận, Bất Chân Không Luận, Niết-bàn Vô Danh Luận (gọi chung là Triệu Luận). Ngài La-thập bảo: Ta hiểu không sót văn ông, xin chào nhau vậy (Thiên Thai Tông bảo ngài La-thập và Tăng Triệu phần nhiều thưởng phụ thêm nghĩa).

Ngài Đạo Dung theo ngài La-thập. Từ lâu có Bà-la-môn ở nước Sư Tử chở nhiều sách đến Quan Trung xin tranh luận. Ngài La-thập bảo Đạo Dung ra tiếp. Trước khi tranh luận, Đạo Dung đã xem xét các sách của ngoại đạo đó, bảo người chép hết mục lục. Tần chúa tập họp đông đảo để rộng biết xem ai khoe khoang. Đạo dung kể rõ số sách của ông ta cùng các kinh sử ở nước Tần gấp mười lần. Thừa thắng, ngài trêu rằng: “Ông chưa nghe ở Đại Tần có người học rộng ư?” Vị Bà-la-môn xấu hổ lạy tạ mà rút lui.

Ngài Tăng Duệ lúc đầu dạo chơi khắp các nước ngoài. Sau vào Xã của Viễn Sư ở Lô Sơn, rồi ra Kinh Sư nghỉ ở chùa Ô Y để giảng thuyết. Về sau mới vào Quan Trung theo ngài La-thập. Ngài Tăng Duệ có dáng vẻ thông minh ai thấy cũng đều kính sợ. Tần chúa nhân khi lâm triều đã chỉ ngài và bảo Diêu Tung rằng: Vị này Tăng bốn biển đều ngưỡng vọng.

Năm Nghĩa Hy thứ hai, vua nước Sư Tử hiến tượng Phật bằng bạch ngọc cao bốn thước hai tấc. Nơi ở Đông lâm của Pháp sư Tuệ Viễn có dòng suối chảy quanh chùa rồi đổ xuống khe. Mỗi khi đưa khách qua đây thì có tiếng cộp gấm, nhân đó đặt tên là Hổ Khê. Sau đó có đưa khách thì chưa từng vượt qua khe, chỉ riêng có Đào Tiềm và Đạo sĩ Lục Tu Tịnh

đến thăm, vì họ mê bàn chuyện Đạo mà qua Hồ Khê hôi nào không hay, chừng biết ra thì họ cùng cười lớn. Do đó truyền nhau tranh Tam tiểu. Sa-môn nước Kế Tân là Phật-đà Da-xá (Hán gọi là Giác Minh) đến Kinh châu đọc ra Tứ Phần Luật, rồi cùng dịch với ngài Trúc Phật Niệm.

Năm Nghĩa Hy thứ tư, Viễn Pháp sư ở Giang đông, kinh sách không đủ, Thiền pháp chưa nghe, Luật tạng thiếu thốn, bèn sai đệ tử là Chi Pháp Lãn... đến Thiên Trúc, tìm hỏi được nhiều Kinh Phạm ở nước Vu-điền, lại gặp ngài Phật-đà Bạt-đà-la bèn yêu cầu cùng về Đông độ.

Năm Nghĩa Hy thứ sáu, lúc đầu Lưu Trình Chi vào Lô Sơn nương ngài Viễn Pháp sư niệm Phật. Ngài bảo: “Quan lộc vôi vọi vì sao không làm?” Trình Chi thưa: “Vua quan nghi nhau tôi sao làm được?”. Ông ở trong núi mười lăm năm chuyên chí niệm Phật. Tháng tám năm ấy thấy Đức Phật A-di-đà phóng quang xoa đánh, ông liền đối trước tượng đốt hương khẩn rằng: “Con nhờ lời dạy để lại của Đức Thích-ca mà biết có Tây phương tịnh độ, con nguyện dâng hương này trước cúng dường Đức Thích-ca Thế Tôn, kế cúng dường Đức Phật A-di-đà, mong chư Phật từ bi chứng giám. Sau con nguyện cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sở dĩ được sinh là do từ Kinh này.” Nói xong ông nằm lên giường xây mặt về hướng Tây mà hóa. Trình Chi là người có ẩn đức. Tạ An, Lưu Dự luôn tiến cử ông nhưng ông cố sức từ chối không chịu. Vua bèn ban cho cờ xí gọi là Di Dân.

Chu Tục Chi, thuở nhỏ lâu thông năm Kinh năm Vĩ. Người thời ấy gọi là “Cậu bé mười kinh.” Hàng Công Khanh mời gọi nhưng ông không đến, bèn vào Lô Sơn tham dự Liên xã của Viễn Công. Ông mặc áo vải, ăn tương rau, trọn đời không cưới vợ. Đời gọi ông là Thông Ẩn.

Lôi Thứ Tông vào Liên xã ở Lô Sơn, cất nhà trọ bên Đông lâm. Khi Viễn Sư tịch rồi, ông viết thư cho con cháu rằng: Ta gá nghiệp Lô Sơn thờ Thích Hòa thượng đã hai mươi năm, tài trí đã lụi, bạn bè đều chết. Kịp nay chưa già lắm, còn có thể gắng chí để về đến Tây phương. Từ nay trở đi chớ kể việc nhà với ta!

Năm Nghĩa Hy thứ bảy, thuở xưa Sa-môn Pháp Hiển đã sang Tây Trúc trải hơn ba mươi nước. Khi đến Trung Thiên Trúc lên núi Kỳ-xà-quật, thấy một lão Tăng Sư vái chào nhưng không nhìn. Sư đến hỏi một cậu thiếu niên, cậu đó đáp: Đó là Tôn giả Đại Ca-diếp. Sư theo tìm thì không thấy nữa. Sư Pháp Hiển nhờ thương nhân đem kinh Tượng về nước Sư Tử và ngồi thuyền đi Nam Hải đến Thanh Châu rồi trở về Dương Đô. Sư dịch kinh Đại Bát-nê-hoàn năm bộ (Đại Tạng có truyện



Sư Pháp Hiển).

**Bàn rằng:** Sa-môn ở Đông độ đi Tây du đầu tiên là Chu Sĩ Hành nhưng ông chỉ đến nước Vu-điền ở Tây Vực, thật ra đó là đất phía Đông của Thông Hà mà thôi. Đến ngài Hiển Pháp thì vượt qua Thông Lĩnh đi khắp Ngũ Thiên Trúc. Lại đem Đạo ở Nam Hải đi về phía Đông đến đất Tấn. Người chuyên cần cầu pháp thì đây là vị Sư trước nhất.

Năm Nghĩa Hy thứ tám, ngài Phật-đà Da-xá ở nước Kế Tân, đến Lô sơn dự vào Liên xã. Trước đó ngài ở nước Tần dịch Tứ Phần Luật, Trường A-hàm. Lại cùng với ngài La-thập đối chiếu mà dịch Thập Trụ Bà-sa Luận. Ngài có ria mép đỏ nên gọi là Luận Chủ Ria Đỏ.

Ngài Đàm-vô-sấm ở nước Quy Tư đến Cô Tang, vua nước Lương là Thư Cừ Mông Tồn giữ ngài ở lại dịch kinh Đại Bát-niết-bàn bốn mươi quyển. Sau ngài cố từ chối xin trở về Tây Trúc, Tồn giận cho đi rồi sai người lén theo giết trên đường về. Trước đó khi Sấm mới ra khỏi quan ải bảo kẻ tiền đưa rằng: “Nghệp số đã đến lúc. Ta về Tây Vực, Tồn hối tiếc! Giữa ban ngày Tồn thấy thần nhân lấy kiếm đâm chết. Khi Sấm ở đất Lương đã cùng với Đạo Cung các Sư... dịch kinh Bi Hoa...”

**Bàn rằng:** Vua nước Kế Tân giết Tổ Sư Tử mà rụng cánh tay tiêu mạng. Thư Cừ giết Vô-sấm thì thần nhân dùng kiếm đâm. Có người bảo Thánh Sư hiểu rõ nghiệp đời trước mới vẽ ra việc đền nợ, há lại khiến chịu quả báo như thế. Ý là nói các Thần Hộ Pháp giận kẻ dữ phạm đến bậc Tôn quý. Tâm xấu ác của người trước quá mạnh nên phải tự chiêu lấy quả báo. Không nên sánh với kẻ tầm thường trả oán lẫn nhau.

Năm Nghĩa Hy thứ chín, Sa-môn nước Ca-duy-vệ là Phật-đà Bạt-đà-la (Tàu tội là Giác Hiền) đến Lô sơn vào Liên xã. Viễn Pháp sư thỉnh ngài dịch các kinh thiền. Từ đó Giang đông mới mê Thiền duyệt.

Năm Nghĩa Hy thứ mười, Tây Lâm Vĩnh Sư ở Lô Sơn có bệnh, bỗng chấp tay nhìn về hướng Tây bảo là “Phật đến” rồi ngồi yên mà hóa. Mùi hương lạ bảy ngày mới tan. Viễn Pháp sư ở Đông lâm ba mươi năm thì Vĩnh Pháp sư cũng ở Tây Lâm chừng ấy năm. Trấn Nam Tướng Quân là Hà Vô Kỵ đến Hồ Khê mời ngài. Viễn Pháp sư có hàng trăm người danh vọng theo làm học trò. Ngài ăn nói thanh cao, luận bàn hoa mỹ, cử chỉ dễ nhìn. Còn Vĩnh Công thì nạp y nửa gối, vác tích trượng ôm bát, phơi phơi đi dưới rặng tòng, thần khí tự tại. Vô Kỵ khen rằng: Vĩnh Công thanh khí phiêu dật hơn Viễn Công.

Năm Nghĩa Hy thứ mười hai, Viễn Pháp sư đã tu lâu tịnh nghiệp chiêm lễ ba Phật. Do đó ngày sáu tháng tám năm ấy, ngài biết Phật đến đón nên an nhiên thần hóa. Ngài dặn lại nên để thầy ngài trần trụi



dưới rừng tùng. Nhưng đệ tử không đành nên thỉnh toàn thân ngài táng ở ngọn núi phía Tây. Tạ Linh Vận đặt văn bia, Trương Dã làm lời tựa. Tông Bính lại lập bia ở cổng chùa. Xưa Sư ở núi hành đạo, các danh Nho như Lưu Di Dân, Lôi Thứ Chi, Chu Thục Chi, Tông Bính, Trương Dã, Trương Thuyên, Sa-môn Vĩnh Pháp sư, Tuệ Trì (em của Viễn Sư), Đạo Sinh, Đàm Thuận (theo học ngài La-thập), Tuệ Duệ, Đàm Hằng, Đạo Bính, Đàm Tiên, Đạo Kính (đều là đệ tử của Viễn Sư), Phật-đà Gia-xá (người nước Kế Tân), Phật-đà Bạt-đà-la (người Ca-duy-vệ) thường cùng tới lui. Người thời ấy gọi là Lô Sơn Thập Bát Hiền. Lại cùng một trăm hai mươi ba đạo tục kết xã niệm Phật. Bảo Lưu Di Dân làm “Lời Thệ Nguyện” cùng hẹn về Tây phương. Tạ Linh Vận một kẻ ỷ tài kiêu ngạo mới gặp Sư lần đầu đã nghiêm túc tâm phục, bèn đào hai ao Đông Tây để trồng sen trắng, nhân đó gọi là Bạch liên xã. Tạ Linh Vận còn lần xin vào xã, nhưng Viễn Sư xét tâm còn tạp loạn nên ngăn lại. Có lần Sư viết thư mời Đào Tiềm. Tiềm bảo: “Nếu cho uống rượu thì đến.” Sư chấp thuận. Tiềm liền đến, bỗng nhú mày rồi bỏ đi. Sư có viết Pháp Tánh Luận, Bất Bái Vương Giả Luận... và về Thi, Tự, Minh, Tán... tất cả gồm mười quyển gọi là Lô Sơn Tập (Bạch Vân Đoạn Thiền sư có chép bộ Bản Lại Việt Thượng, gặp Luật Sư Chiêu dặn nên khắc bản in ra, Chiêu Sư làm lời tựa có câu: Vương Kinh Công nói rằng: “Người Tấn làm văn không ai bằng Viễn Sư”).

**Bàn rằng:** Phật pháp bắt đầu từ đời nhà Hán, đến đời Tấn thì rất thịnh hành. Song việc tranh giảng Kinh Luận đều để ý đến phần chuyên môn. Riêng Pháp sư Đông lâm mới bắt đầu dùng đạo niệm Phật Tam-muội khai sáng một thời làm báu vật tặng lại muôn đời. Bởi biết đó là Yếu Đạo thích hợp căn duyên với người cõi này, nên Sư liền kết Xã chiêu dụ người hiền đến nổi các danh Nho trở thành cao Thích. Khi lâm chung thì thần hóa, cảm được Phật đón mà được vãng sinh. Đây là một đời hiện tiền chứng đắc, ở mãi trong đạo mầu bất thoái chuyển. Sư nói: “Công hiệu cao, dễ tiến bộ thì Pháp môn niệm Phật là đứng đầu.” Những người tu hành cần nên coi trọng lời nói trên.

Thái Thứ Cối kê là Mạnh Khải thờ Phật rất thuần khẩn, nhưng bị Tạ Linh Vận xem thường, có lần bảo Khải rằng: “Muốn đắc đạo cần phải tu tuệ nghiệp, ngài sinh lên trời tất là trước Linh Vận, nhưng phải thành Phật sau Vận này!” Khải thâm trách.

Năm Nghĩa Hy thứ mười ba, xưa Sa-môn Pháp Chí ở Hàng Sơn thường tụng Pháp Hoa. Có một chim Trĩ bay đến ở góc tòa có dáng như lắng nghe. Sau bảy năm Trĩ chết. Pháp Chí chôn cất tử tế. Đêm mộng

thấy một cậu bé đến lạy tạ ơn rằng: “Nhân nghe kinh mà con được thoát kiếp chim. Nay được sinh vào nhà Vương Thị ở trước núi này.” Sáng ra Chí cho người dò hỏi thì đúng như lời nói. Một hôm Vương Thị thiết trai cúng dường. Khi Sư Pháp Chí vừa bước đến cổng thì cậu bé reo lên: “Hòa thượng con đã đến!” Chí vỗ vào đứa bé bảo: “Đây là bé Trĩ của ta.” Khi cởi áo cậu bé thì thấy ở dưới nách có ba cọng lông trĩ. Đến bảy tuổi xin cho vào núi xuất gia, mười sáu tuổi xuống tóc. Vì dưới nách có lông trĩ nên đặt tên là Đàm Dực. Lúc đầu Sư đến Lô sơn y chỉ Viễn Pháp sư. Kế đó đến Quang Trung tham kiến ngài La-thập. Sau đi về phía Đông đến Cối kê vào Vọng Sơn ở nước Tần. Sư tụng kinh Pháp Hoa hơn mười hai năm. Có một cô gái mình mặc áo màu, tay xách lồng nhốt một con heo trắng và hai củ tỏi to, đến trước Sư bảo rằng: “Thiếp vào núi hái rau, trời đã tối, trên đường đầy sài lang thú dữ, trở về chắc chết, dám xin ngài cho nghỉ nhờ một đêm.” Sư cương quyết từ chối. Cô gái khóc lóc van xin mãi. Sư bèn lấy giường cỏ cho ở. Nửa đêm cô kêu đau bụng bảo nhờ Sư chà sát. Sư bèn lấy vải bọc đầu cây tích trượng rồi chà sát ở bụng. Sáng ra cô gái lấy áo màu hóa thành vầng mây lành, con heo biến thành voi trắng, tỏi thành hoa sen, rồi cô bay lên hư không bảo Sư rằng: “Ta là Bồ-tát Phổ Hiền vì không bao lâu nữa người sẽ theo nhập chúng của ta, nên đến thử nghiệm. Xét thấy tâm người như trăng trong nước không thể dính bẩn.” Rồi trời mưa hoa, đất đai rung động. Người làng nghe thấy đều khen ngợi. Ngày hôm ấy Thái Thú Mạnh Khải mới sáng sớm thức dậy làm việc. Bỗng thấy ở phương Nam có đám mây lành chiếu sáng xuống sân, văng vẳng tiếng âm nhạc du dương. Hỏi ra mới biết Đức Phổ Hiền hóa hiện. Bèn đem đạo hạnh của Sư tâu lên triều đình. Vua ra lệnh xây cất chùa Pháp hoa (nay là chùa Thiên y). Khi Sư tịch thì để nguyên nhục thân trong núi (đời Đường Võ Tông dẹp bỏ pháp, thờ tượng Sư trong chùa Nam thọ. Đời Ngô Việt Võ Túc Vương thụ phong là Phi Vân Đại Sư).

Sa-môn Pháp Trang là đệ tử của Pháp sư Tuệ Viễn tụng Pháp Hoa làm chánh nghiệp. Người hàng xóm ban đêm thấy trước phòng Sư có nhiều binh lính mang vũ khí đứng hầu. Đạo tục truyền nhau nghe đều rất tôn kính Sư.

Sa-môn Đàm Thúy ở chùa Bạch mã tại Hà Âm. Ngày tụng Chánh Pháp Hoa và giảng nói thông suốt. Đêm mộng thấy một người đến gõ cửa thỉnh Sư giảng kinh chín tuần. Sư không chịu. Cố thỉnh mãi Sư phải đi. Bỗng thấy mình ở trong miếu Thần chùa Bạch mã, có một người đệ tử cũng tham dự. Từ đó mỗi ngày Sư âm thầm đến giảng kinh. Một sớm

Tăng trong chùa đi ngang qua miếu nghe tiếng giảng nói, đến xem thì thấy bày hai Cao tòa đối mặt nhau, hương lạ ngạt ngào. Hết mùa Hạ, Thần đến dâng cho một con ngựa trắng, năm con dê trắng và năm mươi xấp lụa để sung vào việc giảng dạy. Sư liền chú nguyện nhận lãnh.

Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, Nội sử nước Ngô là Mạnh Khải thỉnh ngài Phật-đà Bạt-đà-la về ở chùa Tư Không tại Kiến nghiệp dịch kinh Hoa Nghiêm sáu mươi quyển. Có hai thanh y sáng sớm từ ao lên quét rửa mài mực. Lúc đó Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán làm bút thọ.

### **Đời Cung Đế** (tên Đức văn, con của An Đế).

Năm Nguyên Hy thứ nhất, vua rất thâm kính Phật pháp. Ra chiếu lệnh ở chùa Ngõa quan đúc tượng vàng Đức Thích-ca tượng sáu. Ngày hoàn công có ánh sáng chiếu đầy chùa. Các nhân sĩ khắp kinh đô đều đến cúng dường.

## **II. NHÀ TỔNG** (Đô ở Kiến Khang)

### **Đời Tống Cao Tổ** (tên Lưu Dụ, được Tấn nhường ngôi)

Năm Vĩnh Sơ thứ nhất, vua thiết lễ trai tăng ở nội điện, mời Sa-môn Đạo Chiêu đọc lời từ có câu: “Tuổi trăm năm nhanh chóng khổ vui trong thoáng chốc”. Vua khen hay bèn riêng ban cho ba vạn tiền vàng.

Vua mới sinh ra có ánh sáng lạ. Khi lớn lên dạo chơi Hạ Phi gặp một vị Sa-môn lạ ở quán trọ đối diện bảo: “Cả thiên hạ đều loạn, kẻ cứu người chính là ông!” Lúc đó vua có mực ghẻ ở tay. Sa-môn liền cho thuốc bột màu vàng rồi biến mất. Vua xúc thuốc ấy chỉ một lần thì lành. Có lần vua dạo đến chùa Trúc Lâm ở Kinh Khẩu, nằm một mình trước giảng đường thì có nét rồng năm sắc hiện ra. Chư Tăng sợ hãi tâu vua. Vua bảo: “Bậc Thượng nhân không nói dối.” Sa-môn ở Ký châu là Pháp Xứng bảo đệ tử rằng: Thần Trung Nhạc nói: Giang đông có Lưu tướng quân là dòng dõi của nhà Hán sẽ làm vua trị vì. Nay ta lấy ba mươi hai hạt ngọc bích ấn vào một đế vàng làm tin.” Vua nghe chuyện liền sai Thích Tuệ Nghĩa đến Tung sơn tìm kiếm. Bỗng mộng thấy một ông già râu dài cầm gậy chỉ vào đá. Sáng hôm sau đến chỗ hòn đá ở miếu Thần quả nhiên tìm được, nhân đó dâng lên vua. Vua nằm mộng thấy một vị Tăng lạ bảo rằng: “Đời trước ông từng cúng thí cho Phật Duy-vệ một bát cơm, nên nay được báo ở ngôi vị này.”

Quan tư đồ Vương Mật thấy đất ở cửa Đông dịch có ánh sáng, đào lên thì được một tượng Phật bằng vàng cao một thước hai tấc, bèn ra lệnh để trong đài mà cúng dường. Quan xa kỵ Phạm Thái cất chùa Kỳ

Hoàn ở phía Tây nhà. Tạ Linh Vận cất chùa Chiêu Đề ở núi Thạch bích. Sa-môn nước Huỳnh Long là Đàm-vô-kiệt cùng Tăng Mãnh... hai mươi lăm người sang Tây Thiên cầu kinh hơn hai mươi năm chỉ có Vô-kiệt trở về Dương đô dịch kinh.

**Đời Thiếu Đế** (tên Nghĩa Phù, con trưởng của Cao Tổ).

Năm Cảnh Bình thứ nhất, Sa-môn ở nước Kế Tân là Phật-đà Thập ở chùa Long Quang tại Dương đô dịch Ngũ Phần Luật (Ngài Nam Sơn bảo: Văn của Tứ bộ không hơn luật này, chỉ là nói rộng hay hẹp mà thôi. Lương rất khen).

**Đời Văn Đế** (tên Long, con thứ ba của Cao Tổ)

Năm Nguyên Gia thứ nhất, Sa-môn nước Kế Tân là Đàm-ma-mật-đa đến Kiến Khang, dịch kinh thiên và kinh Quán Phổ Hiền Hạnh Pháp... mười bộ. Từ Viên Hoàng hậu, Hoàng tử trở xuống cả kinh đô đều kính lễ. Sa-môn Tây Thiên là Cương-lương-da-xá dịch kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

**Bàn rằng:** Khi Văn Đế mới nối ngôi thì cả hai kinh Quán Phổ Hiền và Quán Vô Lượng Thọ cùng đến một lúc. Đến nay người trì tụng kinh này rất thanh hành. Thế mới biết trong khoảng năm Nguyên Gia rất tôn kính Đại thừa. Cả năm nước cùng đến hiến cống và khen ngợi thờ phụng đạo pháp. Từ khi vượt sông đến nay chưa có thời nào rục rờ như thế.

Năm Nguyên Gia thứ hai, vua ra chiếu ở Kinh sư vì Đức Cao Tổ mà lập chùa Báo Ân. Lại sắc lệnh Sa-môn Đạo Hựu đến huyện Mậu sửa chùa A-dục vương. Đào đất được hộp vàng chứa đầy ba thứ xá-lợi, tóc và răng Phật. Vua ra chiếu xây tháp ba tầng để thờ.

Năm Nguyên Gia thứ ba, Thần tặng Bôi Độ. Thuở xưa lúc ông xuất hiện ở Ký châu, tay cầm một chén gỗ rồi đứng trên chén mà qua sông. Do đó mà gọi là Bôi Độ (Bôi: chén, Độ: qua sông). Ông tự làm một cái phen rào bằng tranh rộng. Lý Thị ở Quảng Lăng đãi cơm chửi Tăng. Độ đem phen tranh ấy đặt giữa sân. Rồi ngồi yên trên chiếu, ăn xong liền nâng phen tranh lên hô lớn: “Tứ Thiên vương!” Lúc đó có cậu bé thấy trong phen có bốn đứa trẻ cao mấy tấc, mắt mi như vẽ. Khi đến tìm thì ẩn mất. Sa-môn Tây Thiên là Y-diệp-ba-la đến Bành thành dịch kinh. Thứ sử Từ châu là Vương Trọng Đức ở chùa Tống vương đã tạo tượng Phật vàng một tượng sáu. Mỗi khi có giặc nạn thì tượng đổ mồ hôi.

Năm Nguyên Gia thứ tư, Sa-môn ở Kinh châu là Trí Nghiêm dịch kinh Anh Lạc Bản Nghiệp... mười bốn bộ. Sa-môn Tuệ Lam vì tài học được vua yêu, ra chiếu bảo cùng Nhan Diên Chi nghị bàn việc triều chính. Lam mang guốc gỗ cao, khoát áo điều cừ. Khổng Khải đùa rằng: “Cần gì chiếc áo đen Tể tướng này?” Tuệ Lam có viết Hắc Bạch Luận rất trái nghĩa lý Phật. Chúng luận nghị mà bác đi (thấy trong Hoàng Minh Tập). Sau Tuệ Lam bị bệnh da thịt lở loét nhầy nhựa, trải một năm thì chết. Người thời ấy cho là quả báo phản giáo.

Năm Nguyên Gia thứ năm, vua Nguyệt Ái nước Ca-tỳ-la, vua Sát-lợi Ma-ha nước Sư Tử đều sai sứ vào triều cống. Vua đáp lời vua Ma-ha rằng: “Ở đây kinh Tiểu thừa rất ít. Trong nước ngài có kinh gì xin chép hết gửi cho.”

Năm Nguyên Gia thứ sáu, vua đến chùa Kỳ Hoàn xem việc hóa độ cậu bé Tuệ Cơ.

Năm Nguyên Gia thứ bảy, nước Ha-la-đà đến triều cống dâng biểu nói rằng: “Kính xin Thánh thượng tin kính Tam bảo, tạo nhiều chùa tháp cùng khắp thế giới, nên nay sai sứ dâng biểu này bày tỏ tấm lòng”.

Xưa vua nghe tên ngài Tam tạng Cầu-na-bạt-ma ở nước Kế Tân (Hán dịch là Công Đức Khải), bèn ra chiếu sai Sa-môn Đạo Mẫn ở Giao châu đi tàu biển đến mời. Bạt-ma vui mừng ngồi thuyền buồm đến Quảng châu. Vua sai sứ đón về Kim lăng mời ở chùa Kỳ Hoàn. Bộc xạ Hà Thượng Chi... đều kính thờ ngài, thỉnh ngài giảng Hoa Nghiêm (Ngài Giác Hiền đã dịch ra sáu mươi quyển). Vì chưa thông thạo tiếng Hoa nên ngài cầu nguyện với Đức Quan Âm. Đêm đến nằm mộng thấy có Lực sĩ đổi cho đầu khác. Sáng ra còn cảm giác hơi đau, rồi ngài thông suốt tiếng Đông độ. Có lần vua hỏi: “Trẫm muốn trai giới không giết hại, nhưng bị kẹt ở chỗ ở địa vị bất người phải chết nên không được toại chí.” Ngài Bạt-ma thưa: Đế Vương cùng thất phu việc tu hành mỗi người mỗi khác. Thất phu thì thân danh hèn kém, lời nói không oai, nếu không khắc kỷ thì lấy gì mà cứu. Còn Đế vương thì bốn biển là nhà, xem dân như con, nói ra một điều lành thì sĩ dân đều vui, ban bố một luật thiện thì người và thần cùng hòa hợp, nên mưa gió đúng thời, mùa màng tươi tốt. Trì trai giới như thế thì công đức rất lớn. Thà ăn đơn giản nửa ngày để bảo toàn mạng sống cho một loài chim thì sau đó mới rộng độ được. Vua khen: “Tục thì mê lý xa, tặng lại kẹt giáo gần. Như lời Pháp sư nói đây thì có thể bảo là tốt cõi trời người.” Ngài ở chùa Kỳ Hoàn giảng phẩm Thập Địa, kinh Hoa Nghiêm. Mỗi ngày vua dẫn hàng

công khanh đến tập họp dưới tòa, pháp môn càng thêm rạng rỡ.

Năm Nguyên Gia thứ mười, nước Ha-la-đơn vào triều cống, dâng biểu tôn là Thường Thắng Thiên Tử Bộ Hạ. Ngài Tăng-già Bạt-ma ở Tây Thiên đến Kiến Khang, vua mời ở chùa Bình Lục. Vì Sa-môn ở Kinh Sư là Tuệ Chiếu và ba trăm bảy mươi người mà ngài sang bờ Thái châu. Ở trong thuyền Sư thọ lại Cụ giới. Có người hỏi có ý gì? Sư Chiếu đáp: Vì nghi rằng trước đây thọ giới vào bậc trung hoặc bậc hạ nên nay thọ lại cầu tăng cao hơn, căn cứ vào thứ lớp của hạ lạc cũ.

**Bàn rằng:** Đây là do sư Chiếu trước đây thọ giới không đúng pháp. Ở trên thuyền mà kết giới nhiếp Tăng là để tiện làm việc mà thôi. Nay những hàng tuổi trẻ coi thường việc thọ giới không biết phương tiện, không thể có được sự cảm phát còn chưa được giới ở cả bậc thấp, thì phải nên chí thành thọ lại tất sẽ được. Luận Tát-bà-đa nói: Thọ giới lại để tăng lên bậc cao không mất hạ cũ. Như đây thì bậc trung và hạ cần phải thọ lại, huống là kẻ chưa được cảm phát ư? Có người hỏi trước đã nghe Yết-ma nay như thọ lại thì việc nghe trước đây là nghe trộm chăng? Song không biết rằng như đương thời khi thọ giới mà có tâm khinh thường còn không được lãnh thánh giới thay, thì làm sao có lỗi nghe trộm. Xin các bậc Cao Đức sáng Luật nên cho một lời bình.

Năm Nguyên Gia thứ mười một, ngài Cầu-na-bạt-ma ở chùa Nam lâm lập giới đàn để truyền giới cho Tăng Ni, đây là giới đàn đầu tiên ở Chấn Đán. Lúc đó có tám vị Tỳ-kheo ở nước Sư Tử đến. Không bao lâu có ba Ni Sư Thiết-tố-la đến, đủ để làm Thập chúng. Bèn thỉnh ngài Tăng-già Bạt-ma làm thầy, vì Ni Sư Tuệ Quả... ở chùa Cảnh phước, ở giới đàn Nam tài, hai chúng nương vào đó để thọ lại giới Cụ túc, độ hơn ba trăm người.

**Bàn rằng:** Tăng sử tóm tắt rằng: Nhà Hán độ cho A Phôn thọ Tam quy, nhà Tấn độ cho Tịnh Kiểm theo một chúng. Còn hai chúng được giới kể từ năm này thì Tuệ Quả là người đầu tiên.

Năm Nguyên Gia thứ mười hai, nước Xà-bà vào triều cống, dâng biểu rằng: Nước Đại Tống, Đại chủ Đại Cát Tường Thiên tử, giáo hóa tất cả, hàng phục bốn ma, chuyển pháp luân cao quý độ thoát chúng sinh. Bọn chúng tôi ở xa cũng được thấm nhuần Linh Tuệ.

Ngài Tuệ Tuân Luật Sư giỏi về Tăng-kỳ và Thập Tụng Luật, viết văn diễn giảng. Đây là phần giải thích Thập Tụng đầu tiên. Vua mời Ni Sư Bảo Hiền làm Ni Tăng Chánh ở Kinh ấp. Vua bảo Thị Trung Hà Thượng Chi rằng: Phạm Thái, Tạ Linh Vận thường nói: “Sáu Kinh vốn để độ thế tục, nhưng nếu cần cầu tánh linh chân yếu thì phải dùng Phật



lý làm chỉ nam. Gần thì thấy Nhan Diên Chi bẻ gãy Đạt Tánh Luận, Tông Bính vấn nạn Bạch Hắc Luận (đều thấy trong Hoàng Minh Tập) đều thấu suốt lý rốt ráo, mở sáng lòng người. Nếu đất nước này đều được thấm nhuần giáo hóa này, thì trăm ngôi yên mà thái bình tự đến. Thượng Chi thưa: Kể từ vượt sông đến nay thì Vương Đạo, Chu Khải, Dữu Lượng, Tạ An, Đái Quỳnh, Hứa Tuân và Thần là anh em với Cao Tổ (tức anh em với Hà Sung) đều có chí quy y. Hễ người làm một điều lành thì bỏ đi một điều ác, bỏ một điều ác thì dứt muôn hình phạt. Đây là nói rõ ý nghĩa ngôi yên mà thái bình tự đến. Cho nên Đồ Trưng đi Triệu thì hai Thạch giảm bạo ngược, Linh tháp chiếu sáng mà Phù Kiên hết tàn ác. Đây là do Đạo thần cảm hóa thấy được rõ ràng. Đến như công của tượng gỗ đất tượng như không có gì nhưng gieo trồng phước báo thì không gì nhanh bằng. Thượng Chi lại nói: Hễ kính lễ kẻ ẩn dật thì bớt đi chiến sĩ, quý nhân đức thì dẹp binh khí. Nhưng nếu theo chí Tôn Ngô quyết lòng thôn tính thì Đạo Nghiêu Thuấn còn không theo được, đâu chỉ riêng Thích giáo ta ư? Vua nói: Thích môn có Khanh cũng như Khổng môn có Lý Lộ, đó gọi là lời ác thì không lọt tai thôi.

Các Sa-môn Công Đức Khải, Công Đức Hiền dịch chín mươi bộ kinh.

Ngài Trúc Đạo Sinh viên tịch ở Lô Sơn, ngài lập nghĩa Phật tánh được vua kính trọng. Vương Hoàng, Phạm Thái đều là bạn của ngài. Vua bày tiệc chay đích thân ngồi dưới đất, đến lúc ăn, chúng nghi là phi thời (Luật nói quá giờ Ngọ là ăn phi thời). Vua nói: Mới giữa Ngọ. Đạo Sinh nói: “Mặt trời sáng rực trời, trời nói mới giữa Ngọ, sao được gọi phi thời.” Rồi và cơm mà ăn. Cả chúng khen là khéo luận. Ngài Đàm-ma-mật-đa ở huyện Mậu xây dựng chùa Tháp A-dục vương.

Năm Nguyên Gia thứ mười ba, vua ra chiếu tìm Sa-môn có thể thuật lại nghĩa đốn ngộ của Đạo Sinh Pháp sư. Dữu Đăng Chi tiến cử Sư Pháp Viện. Vua mời gặp thì Viện biện luận nghĩa lý rất sáng tỏ. Hà Thượng Chi khen rằng: “Tưởng rằng Sinh Công đã mất thì vi ngôn dứt luôn, mà nay lại được nghe lời nói hơn xưa.” Khi chùa Tương Cung cất xong, vua mời Sư về ở và thường đến chùa nghe pháp.

Ni Sư Trí Đạo ở chùa Giản Tịnh không tu nữa về ở với Lương Quần Phủ, sinh con bảy tuổi nhà nghèo không có áo mặc. Nhớ lại lúc còn làm Ni có lụa trắng, viết kinh Pháp Hoa, liền lấy đem giặt sạch may áo cho con mặc. Bỗng khắp thân mọc ghẻ, dòi trắng bò lúc nhúc, kêu khóc hơn mười mấy ngày thì chết. Trên không trung có tiếng bảo: “Pháp Kinh làm áo nên mặc báo dữ.”



Năm Nguyên Gia thứ mười bốn, thuở xưa, người ở kinh đô là Tôn Ngạn Tăng dòng dõi nhà thờ Phật. Có người thiếp tên Vương Tuệ Xưng thường tụng kinh Pháp Hoa. Bỗng thấy trên bến sông có ánh sáng, đào lên thì được một tượng Phật bằng vàng, trong viên quang có đề chữ: “Năm Canh Tý niên hiệu Kiến Võ thứ sáu, Quan Tự Đạo Nhân là Pháp Tân tạo ra” (trước đây chỉ có Tấn Kiến Võ năm thứ thứ nhất và chỉ năm thứ nhất mà thôi!). Ni Sư Đạo Thọ tụng kinh Pháp Hoa đến ba ngàn biến, thường thấy có điềm ánh sáng và trên không trung có bảo cái rủ xuống che trên đỉnh đầu.

Năm Nguyên Gia hai mươi, Sa-môn Tuệ Nghiêm qua đời. Vua ra chiếu an ủi rằng: Nghiêm Pháp sư là bậc hiểu sâu học giỏi, nay đã an nhiên thần hóa thương tiếc khôn cùng. Nên ban cho năm vạn tiền và năm mươi xấp vải.

Năm Nguyên Gia hai mươi hai, xưa Phạm Hoa cậy tài bất đắc chí, cùng với Khổng Hy trước đây mưu việc phế lập. Việc bại lộ, Hoa bị tội chết giam trong ngục. Sa-môn Đàm Thiên ở chùa Kỳ Hoàn vốn là bạn của Hoa, bán y bát để lo việc chôn cất. Ngụy Thế Tổ nghe việc khen ngợi, bảo Từ Viên rằng: Khi làm Tổng Thư, Khanh chớ bỏ sót việc này.

Năm Nguyên Gia hai mươi ba, Ngụy Thế Tổ cùng Quan Tư Đồ Thôi Hạo thờ Đại sĩ Khấu Khiêm Chi, liền ban chiếu thiên hạ phải đốt phá kinh tượng tháp miếu, giết hết Sa-môn (thấy trong Thông Tắc Chí quyển 4).

Năm Nguyên Gia hai mươi bảy, Vương Huyền Mô đánh phương Bắc bị bại trận, Tiêu Bân muốn giết. Thẩm Khánh Chi can rằng: Phật Ly (con út của Ngụy Thế Tổ) oai động thiên hạ, Huyền Mô há làm gì được, nay giết đi thì các chiến tướng sẽ tự yếu. Bèn thôi. Lúc đầu, khi Huyền Mô sắp bị giết, mộng thấy có người bảo: Hãy tụng kinh Quán Thế Âm một ngàn biến có thể khỏi chết. Nhân đó truyền khẩu Kinh ấy, nói rằng: “Quan Thế Âm, Nam-mô Phật, cùng Phật có nhân, cùng Phật có duyên, Phật pháp duyên nhau Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, sáng niệm Quán Thế Âm, chiều niệm Quán Thế Âm, Niệm niệm từ tâm khởi, niệm niệm tâm không lia.” Khi thức dậy thì Huyền Mô tụng mãi không thôi. Bỗng nghe hô: Đỉnh Án! Sau ông làm quan đến Khai phủ, sống đến tám mươi hai tuổi.

Năm Nguyên Gia hai mươi chín, Ngụy Văn Thành lên ngôi, phục hưng Phật pháp.

**Đời Hiếu Võ Đế** (tên Tuấn, con của Văn Đế)

Vua ra sắc mời Sa-môn Tuệ Cự làm Đô Duy Na ở Kinh ấp. Vào ngày giỗ của Văn Đế tại chùa Trung Hưng, vua thiết lễ Bát quan trai. Khi dùng ngọc xong, tùy tùng là Viên Mẫn Tôn dâng lên vua cá thối, vua nổi giận bèn bãi miễn quan chức.

Vua mời Sa-môn Đạo Du vào nội điện nói pháp. Vua khen hay bèn mời làm Pháp chủ ở chùa Tân an.

Sa-môn Tăng Du ở Ngô Hưng, lúc xưa ở Lô Sơn cất chùa Chiêu đề thường trì kinh Pháp Hoa, tháng sáu năm ấy bảo bạn rằng: “Tình và hình kết lũy nghiệp Tam đồ, khi Tình sắp dứt thì Hình cũng phải mất. Vết xe Dực Vương nào có đâu xa?” Bèn từ biệt chúng vào ngôi ngay ngắn trong khám củi, tụng phẩm Dực Vương rồi châm đuốc tự thiêu. Chúng thấy có khí máu tía bay lên không trung. Khoảng mười ngày sau chỗ Sư mọc lên hai cây ngô đồng. Kẻ biết chuyện gọi đó là điềm Ta-la song thọ.

Năm Đại Minh thứ tư, Lộ Thái hậu ở chùa Trung hưng tạo tượng Phổ Hiền và thiết lễ trai tăng. Bỗng có vị Tăng lạ ngồi trên tòa. Chúng kinh hãi đến hỏi thì đáp rằng: “Ta là Tuệ Minh từ Thiên an đến.” Nói xong biến mất. Nhân đó vua ra chiếu đổi làm Thiên an tự. Vua mời Sa-môn Đạo Ôn làm Tăng Chánh ở Đô Ấp. Sa-môn Tây Thiên là Công Đức Trục đến Kinh châu cùng Huyền Sương dịch kinh. Ngài Công Đức Trục mỗi khi duỗi tay thì toát ra mùi thơm, lòng bàn tay ứa nước.

Năm Đại Minh thứ năm, Thái thú Lô Lăng là Chu Trạm dâng lên vua tượng vàng chín thước ba tấc, nói là Tăng Pháp Quân nằm mộng thấy được. Nhân đó tìm đến sông Tam Khúc thì thấy có ánh sáng nổi trên mặt nước, tìm thì liền được tượng. Sau đó Quận Trường sa dâng lên vành Kim Quang bảo là ngư dân nhặt được trên sông. Dem đặt vào tượng thì khớp thành một khối. Ngụy Sứ Lý Đạo Cố đến triều cống, vì trong chùa Trung Hưng có Tăng Chung giỏi biện luận, vua bèn mời làm bạn với Cố ở Khách quán, hai bên chuyện vãng mãi không thôi đến quá ngọc không ăn cơm. Đạo Cố nói: Không làm Thanh văn ư? Chung đáp: “Đáng hiện thân Thanh văn để độ thì liền hiện thân Thanh văn mà nói pháp...” Thời đó cho là câu đối đáp nổi tiếng.

Năm Đại Minh thứ sáu, ngày tám tháng tư, ở nội điện vua thiết lễ tẩm Phật và trai Tăng. Sa-môn Tuệ Giả... dịch kinh hai mươi sáu bộ.

Năm Đại Minh thứ bảy, Sa-môn ở chùa Trúc lâm là Tuệ Ích tụng Pháp Hoa nguyện thiêu thân. Vua sai sứ khuyên can không cho. Nhân ngày Phật đản, Sư đến cung khuyết từ già vua và dận dò Phật pháp. Rồi

Sư vào Chung sơn vào nằm trong vạc dầu, bó vải sạch vào thân mà đốt. Vua ngồi xe đến khuyển nhưng không nghe. Chúng nghe Sư tụng phẩm Dược Vương. Bỗng nghe tiếng kèn sáo và mùi hương lạ ngào ngạt. Đêm đến vua mộng thấy Sư dặn dò việc hộ pháp. Sáng hôm sau vua thiết đại hội, ban chiếu cất chùa Dược Vương tại nơi Sư thiêu thân.

Năm Đại Minh thứ tám, tháng mười, vua ra luật Sa-môn phải lạy vua. Sa-môn Tăng Viễn nghe mà than rằng: “Từ ngày ta xuất gia nào có liên hệ chi đến việc vua chúa.” Ngay ngày ấy liền giũ áo trở về Chung sơn.

#### **Đời Tiền Phế Đế** (tên Tử Nghiệp, Thái tử của Võ Đế)

Tháng giêng năm Cảnh Hòa thứ nhất, vua đình chỉ việc Sa-môn lạy vua. Sa-môn Pháp Ích... xin vượt biển đến Thiên Trúc thỉnh kinh pháp. Khi đến Quảng châu thì gặp giặc biển cản trở nên không đi được. Sa-môn Giác Thọ dịch luật Di-sa-tắc, một bộ.

#### **Đời Minh Đế** (tên Thành, con Văn Đế).

Năm Thái Thủy thứ nhất, vua ban chiếu lập chùa Hưng Hoàng ở cửa Kiến dương. Vua mời Sa-môn Đạo Mãnh làm Cang Lãn. Vua nói: Người hay hoằng đạo, nay được Pháp sư, không những làm ngay đạo mà còn lợi ích quần sinh, cũng có danh vọng sáng chói trên đời. Bèn hạ chiếu rằng: “Mãnh Pháp sư có đạo phong lại cứu độ được nhiều người, là bạn khách của Trẫm, mỗi tháng nên cung cấp cho ba vạn tiền.” Lại khiến cấp cho bốn Sử quan, hai mươi Bạch bộ lại, xe và kiệu mỗi thứ nhất cỗ. Lại ban chiếu cho Tăng Cẩn làm Tăng Chủ của thiên hạ, ban cho một bộ Pháp Kỹ (Pháp Kỹ là tên chỉ các nghề làm tràng phan, trống, nã bạt... hoặc gọi là Thích Bộ Oai Nghi), hai mươi người thân tìn, mỗi tháng cấp cho ba vạn tiền, xe và phụ kéo khiêng xe).

Năm Thái Thủy thứ hai, Bảo Chí Đại sĩ qua lại núi Hoãn, ông đi chân không, mặc áo gấm, lấy kéo, thước, gương, phát trần treo ở đầu gậy rồi vác gậy mà đi. Đám con nít thấy kêu la ầm ĩ đuổi theo sau. Hoặc có khi ông nhỏ nhẹ đòi rượu, hoặc nhiều ngày không ăn. Có lần gặp người ăn nem, theo xin ăn. Ăn xong, nôn cả xuống nước, thì nem biến thành cá sống bơi đi. Ông thường thường ca ngâm như nói sấm ký. Thử xưa Chu Thị ở Kim lăng nghe tiếng con nít khóc trong ổ chim ưng, bèn đem về nuôi làm con. Đến bảy tuổi thì nương ngài Tăng Kiểm ở Chung sơn mà xuất gia, chuyên tu thiền quán. Đời gọi là Chí Công (Lý Bạch khen rằng: Dao Tề thước Lương quét bụi trần mê, chỉ là lời dối).

Năm Thái Thủy thứ ba, vua đến chùa Trang nghiêm xem bàn luận Tam Giáo.

Chu Ngung dời về làm Trị điện tỉnh. Lúc đó vua mê thích lý diệu huyền, lại gặp người thâm độc không dám vạch rõ mà can gián. Ông liền nêu lên các việc tội phước trong kinh Phật, vua do đó đổi làm lành. Chu Ngung có làm Tam Tông Luận nói về nghĩa Không Giả. Ở phía Tây Kinh châu, có Đạo Nhân Trí Lâm viết thư khen ngợi.

Vua ra sắc cất viện Thiên lâm ở chỗ Ni Tịnh Tú. Ni Tịnh Tú có pháp thần dị, cô mời được anh em Ta-già-la Long vương đến ủng hộ. Thường có ba mươi hai đồng tử, Công đức thiên, Thiện nữ thiên lãnh việc phục dịch (ba mươi hai đồng tử là ba mươi hai vị trời). Cô mặc áo Ca-sa màu trái dâu chín, thấy các Ni khác không đúng pháp liền dùng pháp Sám Hối Ma-noa-đỏa (Tần gọi là Ý Hỷ, do sám hối nên ý mình vui vẻ, cũng khiến chúng Tăng vui vẻ). Từ đó ở Kinh sư cả hai bộ Tăng Ni đều tinh trì giới luật. Có lần cô dạo chơi cõi trời Đâu-suất, cầm bánh Thiên Ba-lợi, nói với thầy cô rằng: Bánh này có thể đủ đem trai tăng cho các Sa-môn đang tọa thiền trong thiên đường.

Dật Sĩ Cố Hoan làm bộ Di Hạ Luận bảo rằng Phật và Lão bằng nhau, do hóa độ mà có hai thứ Di Hạ riêng biệt. Cố Hoan tuy cho hai Pháp đồng nhau, nhưng có ý nghiêng về Lão giáo. Quan Tư Đồ Viên Xán mượn lời Sa-môn Thông Công làm Luận bác bỏ, ông cho rằng Khổng và Lão lấy thế tục làm gốc, còn Phật thì xuất thế làm Tông, xuất phát đã khác thì chỗ về cũng không giống. Quan Thường Thị Hà Trấn Chi cũng viết các lời khen chê cho rằng: Kinh sách của Đạo gia cạn cợt hẹp hòi như các loại Linh Bảo Diệu Chân, thâm nhất ở kinh Pháp Hoa rồi đặt lời rất vụng về. Các kinh Thượng Thanh Huỳnh Đình, hợp hơi nuốt đá... nếu không phải cùng phe thì phép không linh nghiệm. Về Đạo Giáo cũng khó đồng. Tuy văn có năm ngàn lời mà đã hơi dài, trọn không bằng Tam thừa cùng dẫn dắt cả Cửu lưu và đều được độ (rút trong Hoàng Minh Tập và Nam Sử, Cố Hoan Truyện).

Sa-môn Trúc Pháp Quyển... dịch kinh Vô Tận Ý... mười hai bộ. Vua nghe ở đời Lô Sơn có Đạo Tu Tịnh, bèn cho xây dựng Sùng Hư quán để kính lễ. Khi thuận dịp thì tìm hỏi đạo, hết Triều chính thì để tâm hướng về thôn dã.

#### **Đời Hậu Phế Đế** (tên Dực, Thái tử của Minh Đế).

Năm Nguyên Huy thứ ba, Sư Pháp Hiến ở chùa Định Lâm sang Thiên Trúc cầu kinh. Khi đến nước Vu-điền thì được rằng Phật, xá-lợi

và Phẩm Đề-bà kinh Pháp Hoa lấy đem về.

**Đời Thuận Đế** (tên Chuẩn, con thứ ba của Minh Đế)

Năm Thăng Minh thứ nhất, vua mời Sa-môn Pháp Trì làm Tăng Chánh của Thiên hạ.

**III. NHÀ TỀ** (đóng đô ở Kiến Khang)

**Đời Cao Đế** (tên Tiêu Đạo Thành)

Năm Kiến Nguyên thứ nhất, vua đến chùa Trang nghiêm nghe Pháp sư Tăng Đạt giảng kinh Duy-ma. Chỗ ngồi của vua hơi xa, Trung Thư Lệnh là Trương Chử xin dời tòa giảng đến gần chỗ vua ngồi.

Năm Kiến Nguyên thứ hai, Thứ sử Ích Châu là Phó Diễm Ngôn. Có Sa-môn Huyền Sướng lập chùa Tề long, cảm được thanh y do thần nhân hiện ra đi nhiều bảo vệ quanh núi. Vua sắc lệnh cho phép quyên góp một trăm nhà để cung cấp. Vua đến Chung sơn nơi Sư Tuệ Viễn ở. Nhưng Sư ngồi trên giường cố từ chối vì bệnh già không thể ra đón tiếp và cửa phòng chật hẹp không nơi để xe vua. Nên vua đặc biệt sai sứ đến vấn an.

Năm Kiến Nguyên thứ ba, Sa-môn Trung Thiên Trúc là Đàm-ma-da-xá dịch kinh Vô Lượng Nghĩa - Năm Kiến Nguyên thứ tư, vua ban chiếu mời Sa-môn Pháp Dĩnh làm Tăng Chủ ở Kính Ấp. Vua ban chiếu đón Chí Công ở Hoãn Sơn vào kinh đô. Ông rạch mặt mình làm mười hai mặt Quan Âm, vua cho là để đánh lừa người ác.

**Đời Võ Đế** (tên Cơ, con của Cao Đế)

Năm Vĩnh Minh thứ nhất, vua ở vườn Hoa lâm thiết giới Bát quan trai. Thời còn hàn vi vua lánh nạn trong núi Yết Dương, chất đá làm tháp, bỗng có một cây mọc ở cạnh bên như cái lọng hoa. Sa-môn Tây Thiên là Đạt-ma-đề đến dịch phẩm Đề-bà-đạt-đa.

Tăng Tuệ Viễn ở trong núi Chung Sơn năm mươi năm, Thiên hạ ngưỡng vọng là bậc cao đức. Khi ngài tịch thì vua gửi thư an ủi đệ tử là Pháp Hiến rằng: Hòa thượng Viễn viên tịch, đệ tử giữa đêm đã tự ngầm biết. Việc Hòa thượng viên tịch đây rất tốt, muốn gặp Pháp sư, chỉ có thể thấy nhau trong mộng.

Vua mời sư Huyền Sướng ở chùa Trường Can và sư Pháp Hiến cùng làm Tăng chủ, chia nhau phụ trách công việc ở Bắc Giang nam. Người thời đó gọi là hai kiện tướng áo đen.

Năm Vĩnh Minh thứ hai, vua mời Sa-môn Tăng Chung vào triều

kiến ở điện Càn hòa. Sư chỉ xưng là bản đạo. Vua hỏi Bộc xạ Vương Kiểm rằng: Xưa Sa-môn tự xưng thế nào? Kiểm tâu: “Thời Hán Ngụy thì Đạo này chưa thịnh hành nên không nghe nói gì. Đến thời Tấn Tống đến nay phần đông đều xưng là bản đạo và cho ngôi ở tòa. Giữa thời Tấn thì Dữu Bạng, Hoàn Huyền muốn khiến Sa-môn phải lạy vua nhưng cuối cùng việc không thành.” Vua nói: Hai Sư Hiến, Sưởng đạo hạnh như thế mà còn phải xưng tên, hưởng là người khác. Vái chào thì không bắt buộc, xưng tên nào có hiểm gì!

Năm Vĩnh Minh thứ tư, Sa-môn Tăng Hộ ở núi Thạch thành tại huyện Viêm thấy khoảng ven núi có ánh sáng như hào quang Phật. Bèn tạc đá làm tượng Phật Di-lặc, mới xong mặt tượng. Trước đó ở đời Tấn có Sa-môn Đàm Quang đến động đá ở Viêm Sơn ngồi yên, thì có cạp và rấn đến nằm dưới chân, Sư truyền cho Tam quy thì dẫn nhau đi mất. Rồi thần núi mặc áo đẹp đến yết kiến, Sư nói pháp cho nghe. Thần dâng núi để cất Già-lam gọi là Âm Nhạc. Bọn đồng học là Ư Lan lại cất chùa ở một bên gọi là Huyền Hóa. Tăng Hộ tạo tượng xong liền ở chỗ tượng lại cất lên một ngôi chùa gọi là Thạch Thành, cùng hai chùa trước thành thế vạc ba chân mà ở.

Cuối đời Tề có Sa-môn Tăng Thục đến đó tiếp tục tạo dựng. Đến khi Lương Võ Đế cử binh xuống miền Đông, do không đủ tiền dùng nên Kiến An Vương Vĩ (con thứ tám của Văn Đế) phá tượng Phật đồng ở Tương dương đúc làm tiền. Phú Tăng chứa cả mười vạn quan tiền lại thêm ác độc. Sau Vương ra trấn giữ Giang châu bị bệnh ngặt nghèo. Có Huyện Lệnh Lục Hàm ở Thủy Phong (nay là Huyện Thiên thai) mộng thấy ba vị Sa-môn bảo rằng: “Kiến An Vương bị bệnh là do nghiệp chướng trước, Sư Tăng Hộ ở Diễm Huyện tạo tượng đá Phật Di-lặc, nếu Vương giúp cho hoàn thành tất được hết bệnh”. Lục Hàm trở về Kinh đô. Năm sau, khi ra cửa gặp vị Tăng hỏi: Việc Kiến An Vương còn nhớ chăng? Bỗng biến mất. Hàm trực nhớ lại, bèn tâu lên Vương. Vương liền mời Tăng Hựu Luật Sư ở chùa Định lâm. Nhân tượng cũ đã nạo bớt năm tượng, đến năm Thiên Giám mười lăm thì làm xong. Thân tượng và viên quang cao mười tượng. Bệnh của Vương đã lành. Bèn chuyên tâm học kinh càn ngộ Phật lý. Đời Đường, Luật sư Đạo Tuyên mộng thấy thiên thần bảo rằng: Sư tức là hậu thân của Tăng Hộ, Tăng Thục và Tăng Hựu, nên đời gọi là “Phật Đá ba đời” (trích ở Nam Sử và Bia của Tượng Đá Lưu Hiệp, Thiên Nhân Cảm Thông Truyện. Muốn thấy rõ sự tích ba đời nên chép đủ ở đây).

Năm Vĩnh Minh thứ năm, Hữu Châu dâng lên một tượng Phật



bằng trân châu.

Quan Tư Đồ Cánh Lăng Vương là Vương Tử Lương ở Tây Để mời hết các danh Tăng giảng luận Phật pháp tạo kinh Bái Tân Thanh (các bài tán ca mới) nhiều lần trai giới, cúng lạy chư Tăng cấp cho cơm nước.

Có lần mộng thấy Đức Thiên Vương Như Lai ở thế giới Phổ quang Đông phương nói pháp môn Tịnh trụ tịnh hạnh. Nhân đó Lương viết bộ Tịnh Trụ Tử hai mươi quyển và Tam bảo Ký.

Lưu Tễ có mẹ là Minh Thị bị bệnh. Tễ tụng Quan Âm mấy vạn biến. Đêm nằm mộng thấy có vị Tăng bảo rằng: “Phu nhân đã hết số, ông dốc chí tinh thành sẽ được sống lâu hơn”. Sáu mươi ngày sau thì mẹ chết. Tễ cất lều ở mộ mẹ khóc thương, thường có đôi bạch hạc bay lượn trước lều (Nam Sử). Lưu Hiêu ở ẩn nuôi chí, thờ mẹ và anh rất hiếu đễ. Mẹ mỗi khi có bệnh thường mộng thấy Hiêu dâng thuốc, hôm sau thì hết bệnh. Em là Lưu Hứa chuyên ý về Kinh sách Phật, cùng Hiêu nghe giảng ở các chùa tại Chung Sơn. Nhân cùng bói việc xây cất Đông Giản, Hứa thường đội mũ vô thóc, khoát áo nạp. Mỗi khi dạo chơi núi đầm thường lưu luyến quên về (Nam Sử).

Năm Vĩnh Minh thứ sáu, ngài Tăng-già Bạt-ma ở chùa Trúc lâm tại Quảng châu dịch luật Thiện Kiến Tỳ-bà-sa.

Năm Vĩnh Minh thứ bảy, Cư sĩ Minh Tăng Thiệu ở Bình Nguyên, đổi nhà ở Nhiếp Sơn làm chùa Thê Hà. Vì Chí Công làm huyện hoặc dân chúng nên vua bắt ông bỏ ngục Kiến Khang, nhưng ngay ngày hôm ấy người trong nước đều thấy Đại sĩ dạo khắp giếng chợ. Chiều tối đó ông bảo các quan lại: “Ngoài cửa có hai xe chở thức ăn, xin ra lấy dùm tôi.” Rồi thì Văn Tuệ Thái tử Cánh Lăng Vương chở đến cúng. Quan lĩnh Kiến Khang đem việc tâu lên, vua hối lỗi tạ tội và đón ông về cung cấm, tiếp đãi ở vườn Hoa lâm.

Cánh Lăng Vương ở chùa Hoàng Tế giảng Thành Thật Tam Luận, trong mộng thấy làm một bài Duy-ma, bảo Tăng Biện truyền nhau mà vịnh, có bấy hạc bay múa ở thêm, vịnh xong thì hạc bay đi mất. Sa-môn Tây Thiên là Ma-ha Thừa Đức Tiến... đã dịch các kinh luật.

Năm Vĩnh Minh thứ tám, vua không lành bệnh, bèn ban chiếu mời các Sa-môn cúng Phật và Thánh tăng. Đến ngày thứ bảy thì cảm được mùi hương trời ngào ngạt, đầy bóng Thánh tăng, tiếng tích trượng khua vang khắp điện rồi vua lành bệnh.

Tấn An Vương là Tiêu Tử Mậu năm lên bảy tuổi, mẹ là Nguyễn Thục Viện bệnh, Vương thỉnh Tăng hành đạo. Có người dâng hoa sen cúng Phật, cấm trong bình đồng. Vương rơi lệ đánh lễ Phật bạch rằng:



Nếu di con nhân đây được bình yên, nguyện suốt trai kỳ hoa sẽ không héo. Xong bảy ngày trai hoa lại càng tươi hồng. Thấy trong bình đã có một ít rễ. Bệnh mẹ liền hết. Đương thời cho là lòng hiếu của Vương cảm nên.

Năm Vĩnh Minh thứ mười một, Chí Công đang ở tại vườn Hoa lâm, bỗng đội vào cả ba cái mũ vải. Chưa bao lâu thì vua băng hà. Thái tử Văn Tuệ Dự Chương Vương cũng nối nhau mà chết.

Đời Minh Đế (tên Loan, anh của Cao Đế, con của Thủy An Vương).

Năm Kiến Võ thứ hai, vua mời Lưu Đẩu làm Quốc Tử Bác sĩ nhưng ông không chịu. Ông ra ở ẩn tại Sa Châu ở Giang Lăng, mặc áo gai, nhịn ăn, sáu thời lễ Phật. Chú giải Kinh Hoa Nghiêm nói lên phán giáo hai môn Đốn Tiệm. Lại chú giải kinh Pháp Hoa, đích thân giảng nói. Mùa Đông năm ấy có mây trắng lãng đãng trên mái nhà, mùi hương lạ len vào cửa, có tiếng khánh khua thì ông đã hóa.

Năm Kiến Võ thứ tư, vào buổi sáng Chí Công ra cửa cung, bỗng bảo: “Trên cửa có máu tanh và vua bị hại.” Quả nhiên có xe trâu chở thây chết ra cửa, máu ở cổ chảy ra ướt cả ngạch cửa. Từ Lăng hồi còn bé cha dắt đến Hầu Công, Công xoa đầu bảo: Thạch Kỳ Lân trên trời đấy.

Năm Vĩnh Thái thứ nhất, Đàng Đàm Cung lên năm tuổi, mẹ là Dương Thị bệnh nóng muốn ăn dưa lạnh. Nhưng ở đất Dự Chương vốn không sản xuất dưa. Đàm Cung đi hỏi khắp nơi. Bỗng gặp một vị Tăng bảo: “Ta có hai quả dưa, vậy chia cho một quả”. Bỗng không thấy đâu nữa. Khi cha mẹ mất, Đàm Cung ăn chay trọn đời, ngày đêm buồn khóc. Ngoài cửa có hai cây tùng, có ánh sáng lạ từ cây phóng ra. Bỗng thấy có tượng Phật đứng nghiêm. Người nhà đều cùng lễ bái, giây lâu mới biến mất. Người thời đó gọi là Đàng Tăng Tử.

Đời Động Hôn Hầu (tên Bảo Quyển, con kế của Minh Đế).

Năm Vĩnh Nguyên thứ nhất, Tăng Tuệ Thâm ở nước Phù Tang đến Kinh sư nói: Nước đó ở cách ba vạn dặm về phía Đông nhà Đại Hán (ngoài biển có nhiều nước gọi Trung Quốc là Hán, theo cách gọi cũ). Đời Tống năm Đại Minh thứ năm (Tống Hiếu Võ) có năm Sa-môn nước Kế Tân đến nước đó (Phù Tang) để truyền bá Phật pháp. Theo Đông Phương Sóc trong Thập Châu Ký nói: “Nước Phù Tang ở tại Đông hải cách bờ biển Đông một vạn dặm, nước biển màu ngọc bích thơm ngọt. Phù Tang ở trong Bích Hải, đất vuông vức một vạn dặm, do Đại Đế Thái Chân trị vì, có rừng cây như cây dâu tằm, hai cây cùng gốc

nướng tựa nhau nên gọi là Phù Tang. Tiên nhân ăn trái dâu thân thể biến ra màu vàng ròng”. Nay Tuệ Thâm nói là ở cách phía Đông ba vạn dặm, là do người ở xa không lường được địa lý đó nên nói như thế. Chùa Ngõa Quan có tượng đá nước Sư Tử, Đái An Đạo tự tay tạo ra năm tượng Phật, Cố Trường Khang Duy-ma vẽ đồ hình. Đời cho ba thứ đó là tuyệt tác. Nhưng Đông Hôn Hầu phá tượng ngọc để làm thoa xuyên cho Phan Quý Phi, người kinh đô đều giận tiếc.